CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
DONGHAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE	**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM** **Independence - Freedom - Happiness**
Số/No.: 41/TB-CTĐH	Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2026 *Vinh Long, April 19, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

UNUSUAL INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To:

-Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/ *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE/

DONGHAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE

- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DHC

- Địa chỉ/ *Address*: Lô AIII, Khu Công Nghiệp Giao Long, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam/ *Lot AIII, Giao Long Industrial Zone, Giao Long Commune, Vinh Long Province, Viet Nam.*

- Điện thoại liên hệ/ *Telephone*: 0275 2470655

- E-mail: donghai@dohacobentre.com

- Fax: 0275.3635222

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of Information disclosure*:

Báo cáo Thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Annual Report 2025 of DongHai Joint Stock Company Of BenTre.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19./04/2026 tại đường dẫn: www.dohacobentre.com.vn.

This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date 19./04/2026 Available at: www.dohacobentre.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
Ký ngày: 19/4/2026 14:50:56

We declare that all information provided in this paper is true and accurate and shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/ *Attached documents:

Báo cáo Thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.

Annual Report 2025 of DongHai Joint Stock Company Of BenTre.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/

Organization representative

Legal representative

M.S.D.N: 1300358260 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
X. GIAO LONG - T. VĨNH LONG

Lê Bá Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

MÃ CHỨNG KHOÁN: DHC

0275.2470 655 / 3611 666
Lô AIII, KCN Giao Long, Giao Long, Vĩnh Long
www.dohacobentre.com.vn

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

MỤC LỤC

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thực hiện quyền cổ đông và chính sách đối với cổ đông

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

01 THÔNG TIN CHUNG

- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- NGÀNH NGHỀ KINH DOANH ĐỊA BÀN KINH DOANH
- MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Tên quốc tế	DONGHAI JOINT STOCK COMPANY OF BENTRE
Tên viết tắt	DOHACO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 02 tháng 04 năm 2003 và điều chỉnh lần thứ 23 ngày 27 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính Tỉnh Vĩnh Long cấp.
Vốn điều lệ:	965.912.060.000 đồng tại ngày 31/12/2025
Địa chỉ	Lô AIII, KCN Giao Long, xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Số điện thoại	(0275) 3635 739
Số fax	(0275) 3635 222
Website	www.dohacobentre.com.vn
Email	donghai@dohacobentre.com
Mã cổ phiếu	DHC

"Hãy hành động vì cuộc sống tốt đẹp hơn"

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

CÁC CỘT MỐC TIÊU BIỂU

1994

Tháng 7/1994, Nhà máy Bao Bì được thành lập là doanh nghiệp nhà nước thuộc Ngành thủy sản tỉnh Bến Tre.

2003

Tháng 2/4/2003, Chính thức chuyển đổi sang Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre theo quyết định số 4278/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bến Tre ngày 25/12/2002 dưới hình thức cổ phần hóa; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300358260 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 02/4/2003.

2007

Tháng 12/2007, Khởi công xây dựng Nhà máy Giấy Giao Long giai đoạn I Châu Thành – Bến Tre, kinh phí đầu tư dự toán là 165.000.000.000 VND.

2008

Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre chính thức trở thành công ty đại chúng theo thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2009

Ngày 23/07/2009, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán DHC.

2011

Tháng 01/2011, Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre tổ chức khánh thành nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 1 và nhà máy bao bì số 2.

2015

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức chuyển trụ sở chính của Công ty về địa chỉ: Lô AIII, KCN Giao Long, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

CÁC CỘT MỐC TIÊU BIỂU (TIẾP THEO)

2016

Công ty triển khai thực hiện Dự án nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2 với công suất 660 tấn/ ngày.

2019

Đưa nhà máy Giao Long giai đoạn 2 đi vào hoạt động chính thức.

2020

Thành lập Công ty con Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre với tổng vốn đầu tư 150 tỷ đồng.

2022

- Tháng 04/2022: Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre đi vào hoạt động chính thức.
- Tháng 10/2022: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Giấy Giao Long.

2023

Ngày 17/7/2023, Dự án Điện Mặt Trời được khởi công tại Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre. Công ty góp vốn thêm 30 tỷ cho Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre, nâng tổng vốn điều lệ công ty con này lên 180 tỷ.

2024

Tháng 05/2024 đã mua cổ phần góp vốn vào Công ty Cổ phần Giấy Giao Long để nâng vốn điều lệ của Công ty này lên 360 tỷ đồng.

2025

Chuyển đổi loại hình từ Công ty Cổ phần sang Công ty TNHH Giấy Giao Long và góp vốn để nâng vốn điều lệ của Công ty này thành 450 tỷ đồng.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

- Cúp vàng Sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO
- Cúp vàng thương hiệu hàng đầu Việt Nam - Tạp chí Thương hiệu Việt
- Cúp vàng Thương hiệu - Sản phẩm - Uy tín - Chất lượng – 2008
- Giấy chứng nhận Sản phẩm thương hiệu Việt hội nhập WTO
- Giấy Chứng nhận top 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam – 2008
- Các giấy chứng nhận thương hiệu Công ty Cổ Phần Đông Hải Bến Tre
- Giấy chứng nhận Thương hiệu uy tín chất lượng – 2009
- Chứng nhận Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam - 2009
- Thương hiệu quốc gia Việt Nam 2022
- Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022
- Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023
- Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2024
- Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2024

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty có ngành nghề kinh doanh chủ yếu sau:

- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa.
- Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa.
- In ấn.
- Dịch vụ liên quan đến in.

Và các ngành nghề kinh doanh khác Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300358260 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 02/04/2003 và cấp lại lần thứ lần thứ 23 ngày 27 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính Tỉnh Vĩnh Long cấp.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động kinh doanh chính ở khu vực Miền Nam, đặc biệt là hai vùng kinh tế trọng điểm lớn của cả nước là Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ. Đây là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, tập trung nhiều ngành nghề sản xuất và chế biến dẫn đến nhu cầu cao về giấy và bao bì.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
I. Công ty con				
1.	Công ty TNHH MTV Bao bì Bến Tre	180.000.000.000	Sản xuất và kinh doanh bao bì Carton.	100%
2.	Công ty TNHH Giấy Giao Long	450.000.000.000	Sản xuất, kinh doanh giấy công nghiệp	100%
II. Công ty liên kết				
1.	Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	20.000.000.000	Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.	26%

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN TRỊ

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, DHC lựa chọn mô hình tổ chức:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc

Ngoài ra, Công ty đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ từ năm 2022 đến nay. Ban kiểm toán nội bộ thực hiện giám sát các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo tính hiệu quả cũng như tuân thủ quy định của Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN TRỊ

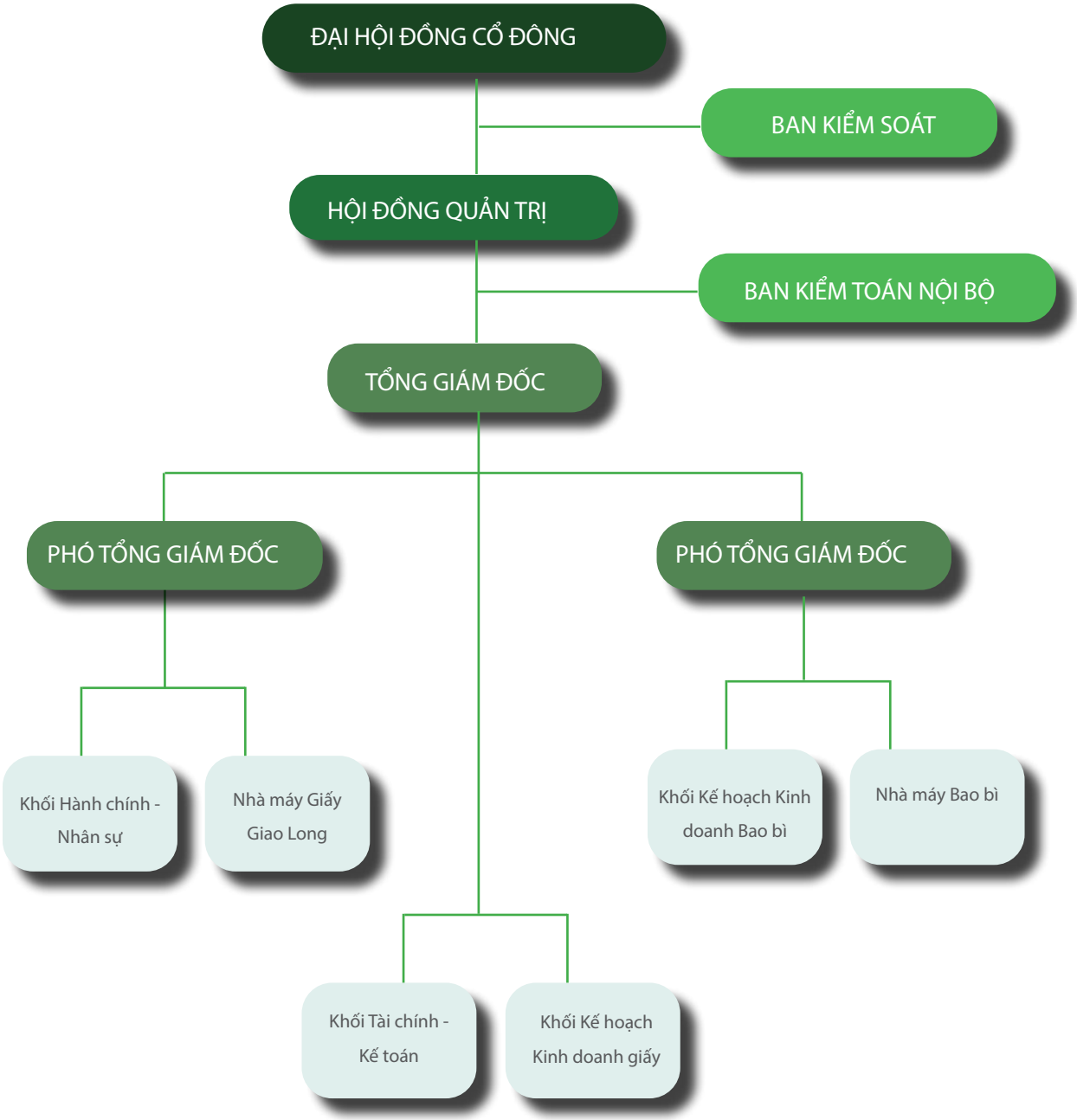

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN

Xu hướng hạn chế rác thải nhựa, giảm sử dụng túi nilon và tăng cường khuyến khích sử dụng bao bì giấy thay thế đang ngày càng phát triển mạnh mẽ và lan tỏa sâu rộng tại Việt Nam. Với nhiều ưu điểm vượt trội so với bao bì nhựa, giấy bao bì đang dần trở thành lựa chọn phổ biến tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Xuất phát từ mục tiêu vừa phát triển các dòng sản phẩm phù hợp xu thế thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế, vừa góp phần bảo vệ môi trường và duy trì không gian sống bền vững, Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã quyết định đầu tư và tập trung sản xuất – kinh doanh hai dòng sản phẩm chủ lực là giấy công nghiệp và bao bì carton. Trong đó, giấy công nghiệp GIAO LONG PAPER là sản phẩm chiến lược, được đưa ra thị trường từ năm 2011 và đến nay ngày càng nhận được sự đánh giá cao, tin tưởng lựa chọn của khách hàng trong nước và quốc tế.

Song song với hoạt động sản xuất – kinh doanh, Công ty chú trọng quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy GIAO LONG theo định hướng thân thiện với môi trường, đáp ứng xu hướng tiêu dùng bền vững, qua đó góp phần củng cố nền tảng phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

Với định hướng đó, Đông Hải Bến Tre không ngừng nỗ lực đổi mới, nâng cao giá trị sản phẩm và chia sẻ giá trị bền vững cùng các đối tác và đội ngũ nhân viên. Công ty luôn sẵn sàng đón nhận mọi cơ hội và thách thức trên hành trình hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững của mình.

SỨ MỆNH

"Hãy hành động vì cuộc sống tốt đẹp hơn"

Thông điệp thể hiện khát vọng phát triển bền vững và lâu dài của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre, gắn liền với việc bảo vệ môi trường sống của cộng đồng dân cư địa phương nói riêng và của cả đất nước Việt Nam nói chung.

Trong bối cảnh xu hướng toàn cầu đang hướng tới các giải pháp thân thiện với môi trường, các sản phẩm giấy xanh dần thay thế các sản phẩm nhựa gây ô nhiễm nghiêm trọng, qua đó góp phần nâng cao nhận thức xã hội về trách nhiệm bảo vệ môi trường. Thông điệp này không chỉ phản ánh định hướng phát triển của Công ty mà còn là lời kêu gọi mạnh mẽ gửi đến toàn thể cán bộ, công nhân viên Đông Hải Bến Tre hãy không ngừng suy nghĩ, nâng cao ý thức trách nhiệm và chủ động thực hiện những hành động thiết thực trong công việc hằng ngày.

Mỗi hành động, dù nhỏ, từ việc tuân thủ quy trình sản xuất, tiết kiệm tài nguyên đến chủ động ngăn ngừa ô nhiễm, đều góp phần xây dựng môi trường làm việc xanh – sạch – bền vững, qua đó chung tay vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho hiện tại và các thế hệ tương lai.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị cốt lõi là những giá trị quan trọng nhất, được xem là linh hồn của Công ty, định hướng cho sự phát triển bền vững và lâu dài. Khác với các giá trị thông thường, giá trị cốt lõi của Công ty hướng đến chiều sâu và tính ổn định theo thời gian.

Tại Đông Hải, giá trị cốt lõi được xác định là: "Tôn trọng – Công bằng – Cam kết – An toàn – Đạo đức – Tuân thủ", đóng vai trò kim chỉ nam cho mọi hoạt động và quyết định của Công ty, đồng thời là nền tảng để Đông Hải không ngừng nỗ lực hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra.

MỤC TIÊU

Công ty hoạt động trên tinh thần "DOHACO cam kết mang đến lợi ích tối đa cho khách hàng" , với mục tiêu trọng tâm là phát triển thành doanh nghiệp vững mạnh, lấy hai dòng sản phẩm giấy công nghiệp và bao bì carton làm nền tảng phát triển. Đồng thời, Công ty chủ động tìm kiếm và mở rộng hợp tác với các đối tác mới nhằm mở rộng thị trường và gia tăng thị phần trong lĩnh vực giấy công nghiệp.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (DHC) là một trong những doanh nghiệp sản xuất giấy hàng đầu tại Việt Nam. Với hơn 32 năm hình thành và phát triển, DHC đã từng bước khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành giấy Việt Nam.

Trong giai đoạn 2025–2030, DHC xác định mục tiêu phát triển theo định hướng bền vững, hướng tới trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất giấy hàng đầu khu vực. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Công ty tập trung triển khai các định hướng cụ thể gồm: trong dài hạn, đẩy mạnh cải tiến và đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát và giảm chi phí sản xuất nhằm hạ giá thành, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành; đồng thời chú trọng nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng tiêu dùng và góp phần củng cố, phát huy các giá trị cốt lõi của Công ty.

Bên cạnh đó, DHC tập trung mở rộng và phát triển thị trường nội địa, đẩy mạnh hoạt động quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy GIAO LONG nhằm nâng cao vị thế và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trước các đối thủ trong và ngoài nước, song song với việc chủ động tìm kiếm và khai thác các cơ hội xuất khẩu sang các thị trường trong khu vực. Đồng thời, Công ty xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác tuyển dụng, đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân và phát triển các kỹ năng quản lý, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài..

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty xác định phát triển bền vững là định hướng và ưu tiên hàng đầu trong quá trình hoạt động, trong đó đặc biệt quan tâm đến các vấn đề liên quan đến môi trường, xã hội và cộng đồng. Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy và bao bì, Công ty nhận thức rõ rằng mọi hoạt động sản xuất, dù ở bất kỳ quy mô nào, đều có những tác động nhất định đến môi trường xung quanh. Vì vậy, công tác bảo vệ môi trường luôn được xem là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt, được triển khai thông qua việc đầu tư, vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quốc gia, nhằm xử lý triệt để các chất ô nhiễm và đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về xả thải an toàn.

Song song với việc chú trọng yếu tố môi trường, Công ty luôn quan tâm sâu sắc đến đời sống, sức khỏe và tinh thần của người lao động. Các hoạt động đoàn thể và chương trình xã hội được tổ chức thường xuyên nhằm tăng cường sự gắn kết, xây dựng tinh thần đoàn kết trong tập thể cán bộ, công nhân viên. Đồng thời, hệ thống chính sách an sinh xã hội, tiền lương, thưởng và phúc lợi được xây dựng và triển khai một cách đồng bộ, chặt chẽ, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty chủ động tìm kiếm và mở rộng hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, hiệp hội ngành nghề nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, tiếp cận các công nghệ mới và từng bước áp dụng các mô hình phát triển bền vững phù hợp. Những hoạt động này không chỉ thể hiện cam kết của Công ty trong việc tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn môi trường trong nước và quốc tế, mà còn góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục ghi nhận những tín hiệu tích cực và duy trì xu hướng tăng trưởng tương đối ổn định, tạo nền tảng thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp. Sự phát triển của khu vực nông nghiệp và thủy sản góp phần thúc đẩy nhu cầu đối với các ngành sản xuất phụ trợ, trong đó có ngành giấy. Đây là yếu tố thuận lợi đối với Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre, khi phần lớn khách hàng của Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông – thủy sản. Bên cạnh đó, môi trường kinh tế vĩ mô trong nước nhìn chung ổn định nhờ chính sách điều hành linh hoạt, góp phần hạn chế rủi ro và tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động trong hoạt động tài chính.

Trên bình diện quốc tế, kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, đặc biệt liên quan đến diễn biến lãi suất, tỷ giá và các căng thẳng địa chính trị. Những biến động này tạo ra áp lực nhất định đối với chi phí nhập khẩu, nghĩa vụ ngoại tệ, cũng như nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng và gia tăng chi phí logistics.

Trước những rủi ro kinh tế này, CTCP Đông Hải Bến Tre chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường tài chính và tỷ giá để kịp thời điều chỉnh kế hoạch tài chính và nhập khẩu, đồng thời kiểm soát chặt chẽ nợ vay và các khoản mục ngoại tệ nhằm hạn chế tác động bất lợi từ biến động tỷ giá. Đối với rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng và chi phí logistics gia tăng do bất ổn địa chính trị, Công ty thực hiện đa dạng hóa nguồn cung OCC, giảm sự phụ thuộc vào một thị trường nhất định, đồng thời chủ động làm việc với các đơn vị vận tải để tối ưu chi phí và thời gian giao hàng. Song song với đó, DHC tăng cường quản lý chi phí sản xuất, cải tiến quy trình và đầu tư công nghệ nhằm tiết giảm chi phí, đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh diễn ra ổn định và hướng tới phát triển bền vững.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre hoạt động và quản trị theo hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam, trong đó bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ Môi trường cùng các văn bản pháp lý liên quan. Là doanh nghiệp cổ phần niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), Công ty còn chịu tác động từ các cam kết và hiệp định thương mại đa phương mà Việt Nam tham gia. Những điều chỉnh trong chính sách và quy định pháp luật có thể tạo ra ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất – kinh doanh cũng như định hướng chiến lược trong trung và dài hạn. Do đó, việc chủ động theo dõi, cập nhật kịp thời các thay đổi về pháp lý là yếu tố quan trọng, giúp Công ty xây dựng chiến lược phát triển phù hợp, đảm bảo tuân thủ pháp luật và giữ vững uy tín doanh nghiệp.

CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Rủi ro đặc thù của ngành giấy chủ yếu liên quan đến nguồn nguyên liệu đầu vào, trong đó OCC (giấy thu hồi) là nguyên liệu chính phục vụ hoạt động sản xuất. Giá OCC trên thị trường quốc tế có xu hướng biến động theo cung – cầu và các yếu tố kinh tế vĩ mô, qua đó có thể tác động đến chi phí sản xuất và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Trước bối cảnh này, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp quản trị như đa dạng hóa nguồn cung, tăng cường hợp tác với các đối tác uy tín, đồng thời tối ưu hóa kế hoạch thu mua và quản lý tồn kho nhằm hạn chế tác động bất lợi từ biến động giá nguyên liệu.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào thông qua việc thiết lập các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình kiểm tra và sàng lọc chặt chẽ trước khi đưa vào sản xuất. Song song đó, Đông Hải không ngừng đầu tư cải tiến công nghệ, nâng cấp dây chuyền sản xuất và tối ưu quy trình vận hành nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng nguyên liệu và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra ổn định. Các giải pháp này giúp Công ty chủ động ứng phó với các biến động của thị trường nguyên liệu, đồng thời duy trì năng lực sản xuất bền vững và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Trong sản xuất giấy tái chế, giấy thùng cũ phải trải qua nhiều công đoạn từ phân loại, xử lý, sản xuất đến kiểm soát chất lượng với quy trình kỹ thuật phức tạp. Đồng thời, toàn ngành giấy nói chung và Công ty nói riêng ngày càng nhận thức rõ những tác động tiêu cực đến môi trường phát sinh từ hoạt động sản xuất, qua đó chủ động triển khai các biện pháp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng này. Quy mô sản xuất lớn kéo theo lượng khí thải và nước thải đáng kể, có thể tác động trực tiếp đến môi trường sinh thái xung quanh khu vực nhà máy. Trước thực trạng đó, Công ty đã thể hiện cam kết đối với định hướng sản xuất xanh và phát triển bền vững thông qua việc xây dựng các kế hoạch, giải pháp và phân bổ nguồn lực cụ thể nhằm thúc đẩy quá trình "xanh hóa" hoạt động sản xuất. Đáng chú ý, Công ty đã đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải hiện đại với công suất thiết kế đạt 4.900 m^3/ngày đêm, góp phần xử lý hiệu quả lượng nước thải ra, không gây tác động xấu đến môi trường.

CÁC RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Do đặc thù của hoạt động sản xuất, đa số người lao động phải thực hiện các công việc mang tính lao động chân tay và làm việc trong môi trường có nồng độ bụi cao cùng tiếng ồn phát sinh từ hệ thống máy móc. Thực tế này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc xây dựng và duy trì một hệ thống quản lý an toàn, vệ sinh lao động hiệu quả nhằm bảo vệ sức khỏe và đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động, đồng thời đây cũng là vấn đề luôn được Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm.

Trên cơ sở đó, Công ty tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị định kỳ, kết hợp với việc quản lý và theo dõi hồ sơ sức khỏe của người lao động. Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân trong quá trình làm việc nhằm hạn chế tối đa các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng công tác hướng dẫn người lao động chủ động nhận diện và đánh giá rủi ro an toàn, đồng thời tổ chức khảo sát các yếu tố nguy hiểm tiềm ẩn có thể gây tai nạn, bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc, qua đó nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro về an toàn lao động.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro đặc thù của ngành, Công ty còn phải đối mặt với một số rủi ro khác phát sinh từ cả yếu tố khách quan và chủ quan. Về phía khách quan, các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh hoặc những biến động ngoài tầm kiểm soát có thể gây gián đoạn hoạt động sản xuất – kinh doanh và ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành chung của Công ty. Đối với rủi ro chủ quan, vấn đề an toàn lao động luôn là nội dung cần được đặc biệt quan tâm, bởi đây là yếu tố tác động trực tiếp đến sức khỏe người lao động và tính ổn định trong hoạt động sản xuất. Nhận thức rõ điều này, Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình huấn luyện về phòng cháy chữa cháy, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền và vận động cán bộ, công nhân viên tham gia đầy đủ các khóa đào tạo an toàn. Bên cạnh đó, Công ty đảm bảo người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động theo quy định, qua đó góp phần giảm thiểu rủi ro, nâng cao mức độ an toàn và duy trì môi trường làm việc ổn định, bền vững.

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	%Thay đổi
Doanh thu thuần	3.596.507.144.729	3.631.039.418.696	100,96%
Tổng chi phí	(3.399.616.339.180)	(3.310.136.368.446)	97,37%
Lợi nhuận trước thuế	279.222.800.993	457.330.182.589	163,79%
Lợi nhuận sau thuế	242.196.652.212	393.088.335.567	162,30%

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều biến động và áp lực cạnh tranh gia tăng. Trước tình hình đó, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu hóa chi phí và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra hiệu quả.

Theo đó, doanh thu thuần năm 2025 đạt 3.631,04 tỷ đồng, tăng 0,96% so với mức 3.596,51 tỷ đồng của năm 2024. Kết quả này cho thấy Công ty vẫn duy trì được quy mô doanh thu ổn định và đảm bảo nguồn thu từ các hoạt động kinh doanh chính trong diễn biến tình hình thị trường có nhiều biến động như hiện nay.

Trong khi đó, tổng chi phí năm 2025 đạt 3.310,14 tỷ đồng, giảm 2,63% so với mức 3.399,62 tỷ đồng của năm trước. Việc kiểm soát chi phí hiệu quả, cùng với các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu hóa hoạt động sản xuất đã góp phần cải thiện đáng kể kết quả kinh doanh của Công ty.

Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 457,33 tỷ đồng, tăng 63,79% so với mức 279,22 tỷ đồng của năm 2024; lợi nhuận sau thuế đạt 393,09 tỷ đồng, tăng 62,30% so với mức 242,20 tỷ đồng của năm trước. Mức tăng trưởng lợi nhuận cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng doanh thu cho thấy hiệu quả hoạt động của Công ty đã được cải thiện rõ rệt, chủ yếu nhờ việc quản lý chi phí chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong quá trình sản xuất kinh doanh.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Giá trị năm 2024	Giá trị năm 2025	% 2025/2024
Doanh thu bán thành phẩm	3.423.897.711.763	3.628.524.147.401	105,98%
Doanh thu bán nguyên vật liệu	172.463.978.421	2.348.538.150	1,36%
Doanh thu khác	145.454.545	166.733.145	114,63%
TỔNG CỘNG	**3.596.507.144.729**	**3.631.039.418.696**	**100,96%**

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cá nhân (Tại ngày 30/03/2026)	
			Số lượng	Tỷ lệ/VĐL
1	Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT, Phó TGĐ	3.650.300	3,78%
2	Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT, TGĐ	10.361.709	10,73%
3	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT không điều hành	434.086	0,45%
4	Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT độc lập	333.000	0,34%
5	Ông Dương Thành Công	Thành viên HĐQT không điều hành	2.500.000	2,59%

Trong năm 2025, Công ty không có thay đổi trong Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ÔNG LƯƠNG VĂN THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 12/11/1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 3.650.300 cổ phiếu, tương đương 3,78% vốn điều lệ

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long
- Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Giấy Giao Long

Quá trình công tác:

- 1986 – 1999: Phó Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Xây lắp và Vật liệu xây dựng
- 2003 – 2012: Trưởng phòng quản trị - Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2
- 2012 – 2014: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2014 – 2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2017 – 2020: Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2020 – Nay: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2025 - Nay: Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Giấy Giao Long

2. ÔNG LÊ BÁ PHƯƠNG

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 20/11/1964

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 10.361.709 cổ phiếu, tương đương 10,73% Vốn điều lệ

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức
- Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Giấy Giao Long

Quá trình công tác:

- 1987 – 2012: Làm việc tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bến Tre
- 2012 – 2013: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2013 – 2014: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2014 – 2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2020 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2025 - Nay: Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Giấy Giao Long

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. ÔNG NGUYỄN THANH NGHĨA

Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Ngày sinh: 27/11/1963

Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 434.086 cổ phiếu, tương đương 0,45% vốn điều lệ

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Quá trình công tác:

- 1993 – 2001: Phó Phòng, Trưởng Phòng Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản TP Hồ Chí Minh
- 2001 – 2007: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc
- 2007 – 2020: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2012 – 2013: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre
- 2012 – 2017: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2020 – 2023: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đại Thiên Lộc
- 2023 – Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2017 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. ÔNG MARCO MARTINELLI

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Ngày sinh: 11/12/1978
Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 333.000 cổ phiếu, tương đương 0,34% vốn điều lệ

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Turicum Invesment Manegement AG
- Thành viên Hội đồng quản trị Tim Vietnam JSC.

Quá trình công tác:

- 1998 – 1999: Nhân viên Ngân hàng Credit Suisse Thụy Sỹ
- 2000 – 2007: Quản lý tài sản Turicum Investment Management AG
- 2007 – 2013: Quản lý quỹ T.I.M Vietnam Tiger Fund
- 2013 – 2016: Quản lý danh mục đầu tư Daragon Capital Group
- 2016 – 2018: Giám đốc Turicum Investment Management AG
- 2020 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

5. ÔNG DƯƠNG THÀNH CÔNG

Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Ngày sinh: 03/02/1989
Trình độ: Cử nhân

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 2.500.000 cổ phiếu, tương đương 2,59% vốn điều lệ

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Năng lượng Thành Công
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Hải

Quá trình công tác:

- 2017 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Hải
- 2017 – 2024: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Năng lượng Thành Công
- 2024 - Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần dịch vụ Năng lượng Thành Công
- 2023 – Nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cá nhân (Tại ngày 30/03/2026)	
			Số lượng	Tỷ lệ/VĐL
1	Bà Đoàn Thị Bích Thuý	Trưởng Ban Kiểm soát	26.702	0,03%
2	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	552	0,00%
3	Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên Ban Kiểm soát	1.699.937	1,76%

*Trong năm 2025, Công ty không có thay đổi trong Ban Kiểm soát

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. BÀ ĐOÀN THỊ BÍCH THÚY

Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 11/05/1985

Trình độ: Cử nhân kế toán

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 26.702 cổ phiếu, tương đương 0,03% vốn điều lệ

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Quá trình công tác:

- 2005 – 2007: Kế toán Công ty TNHH SXTM Thép Đại Thiên Lộc
- 2007 – 2011: Kế toán Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2011 – 2018: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
- 2017 – Nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2018 – Nay: Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

2. BÀ ĐOÀN HỒNG LAN

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 17/04/1986
Trình độ: Cử nhân quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 552 cổ phiếu, tương đương 0,0006% vốn điều lệ

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 2006 – 2009: Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2009 – Nay: Nhân viên Quản lý Nhân sự Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2012 – Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

3. ÔNG NGUYỄN QUỐC BÌNH

Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 26/05/1977
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 1.699.937 cổ phiếu, tương đương 1,76% vốn điều lệ

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 01/2007 - 09/2007: Chuyên viên Phân tích công ty Đầu tư Việt Phát
- 09/2007 - 2018: Chuyên viên đầu tư cao cấp tại công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
- 06/2016 - 2018: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 06/2022 - Nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

BAN ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cá nhân (Tại ngày 30/03/2026)	
			Số lượng	Tỷ lệ/VĐL
1	Ông Lê Bá Phương	Tổng Giám Đốc	10.361.709	10,73%
2	Ông Lương Văn Thành	Phó Tổng Giám Đốc	3.650.300	3,78%
3	Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	124.213	0,13%
4	Bà Nguyễn Hồng Thanh	Kế toán trưởng	3.100	0,0032%

*Trong năm 2025, Công ty không có thay đổi trong Ban Điều hành

BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Sơ yếu lý lịch của **Ông Lương Văn Thành** và **Ông Lê Bá Phương**, vui lòng xem tại phần Sơ yếu lý lịch của **Hội đồng quản trị**

1. BÀ HỒ THỊ SONG NGỌC

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 11/02/1983
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 124.213 cổ phiếu, tương đương 0,13% vốn điều lệ

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

Quá trình công tác:

- 2005 – 2008: Nhân viên tiếp nhận và triển khai đơn hàng thuộc phòng KHKD-CL Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2008 – 2010: Phó Giám đốc Kinh Doanh – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2010 – 2012: Giám đốc Kinh doanh – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2010 – 2017: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 2017 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 04/2020 - Nay: Giám đốc Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

2. BÀ NGUYỄN HỒNG THANH

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 06/01/1986
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 3.100 cổ phiếu, tương đương 0,0032% vốn điều lệ

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long

Quá trình công tác:

- 07/2011 – 09/2014: Kế toán thanh toán Công ty TNHH Nhà máy Sửa chữa và Đóng tàu Sài Gòn
- 02/2014 – 09/2015: Kế toán viên VPĐD Allergan Singapore PTE LTD tại TP.HCM
- 04/2017 – 08/2018: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phân Phối Sành Điệu
- 09/2018 – 03/2020: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Sô cô la Marou
- 12/2021 – 12/2022: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 01/2023 – Nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
- 04/2023 - Nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Chỉ tiêu	Năm 2025	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động		
Trên Đại học	1	0,18%
Đại học, Cao đẳng	189	33,75%
Trung cấp	46	8,21%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	16	2,86%
Lao động phổ thông	308	55%
Theo hợp đồng lao động		
Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	2	0,36%
Hợp đồng có thời hạn từ 1 đến 3 năm	172	30,71%
Hợp đồng không xác định thời hạn	386	68,93%
Theo giới tính		
Nam	506	90,36%
Nữ	54	9,64%

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Năm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	11.664.553	12.224.976	12.705.330

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Lương thưởng và đãi ngộ

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền lợi của người lao động, đồng thời triển khai nhiều chính sách ưu đãi đặc biệt nhằm khuyến khích và ghi nhận những đóng góp nổi bật. Cụ thể, Công ty thực hiện khen thưởng định kỳ và đột xuất cho các cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc hoặc đưa ra ý tưởng mang tính đột phá, tạo động lực thúc đẩy tinh thần sáng tạo và hiệu quả làm việc. Bên cạnh đó, Công ty định kỳ tổ chức khám sức khỏe cho toàn bộ lao động, giúp phát hiện sớm và hỗ trợ kịp thời những trường hợp gặp vấn đề về sức khỏe do môi trường làm việc.

Môi trường làm việc

Công ty hướng đến xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện, bình đẳng, không phân biệt đối xử và chuyên nghiệp, thông qua việc sắp xếp thời gian làm việc hợp lý cũng như đảm bảo chế độ lương thưởng và chính sách xã hội phù hợp cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động giải trí và đoàn thể, giúp giảm bớt căng thẳng, gia tăng gắn kết giữa người lao động và doanh nghiệp. Đặc biệt, Công ty luôn chú trọng và tăng cường công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, đồng thời đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động, góp phần tạo nên môi trường làm việc an toàn và tin cậy cho tất cả nhân viên.

Chính sách an toàn bảo vệ lao động

Công ty xác định việc phát triển năng lực và đảm bảo an toàn lao động là nền tảng cho hoạt động sản xuất hiệu quả và bền vững. Hằng năm, Công ty triển khai các chương trình huấn luyện và cập nhật kiến thức liên quan đến an toàn vệ sinh lao động, vận hành thiết bị (cầu trục, xe nâng), tiêu chuẩn ISO, 5S, sơ cấp cứu và diễn tập phòng cháy chữa cháy.

Các hoạt động này nhằm đảm bảo người lao động luôn nắm vững quy trình, tuân thủ quy định an toàn và chủ động ứng phó với các tình huống phát sinh trong quá trình làm việc. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hướng tới xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, linh hoạt và có ý thức kỷ luật cao, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và năng lực cạnh tranh dài hạn.

Đào tạo

Công ty luôn coi trọng việc đào tạo và nâng cao kỹ năng cho nhân viên, bởi đó là nhân tố quan trọng để đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp được vận hành hiệu quả và an toàn. Hằng năm, Công ty đều tổ chức các khóa đào tạo và tái đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, vận hành cầu trục, xe nâng, đào tạo ISO, 5S, sơ cấp cứu và diễn tập phòng cháy chữa cháy. Đây là cách Công ty giúp nhân viên luôn cập nhật và nắm vững các kỹ năng mới nhất, đáp ứng được yêu cầu của công việc và đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc. Công ty cam kết đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo và phát triển nhân viên, nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, năng động và sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Tổng đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản trong năm 2025 khoảng 32,8 tỷ đồng. Trong đó, hệ bơm chân không Turbin 25,4 tỷ đồng, mua máy xúc lật bánh lốp và sơ mi rơ mooc tải 1,8 tỷ đồng và các máy móc thiết bị khác.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre

Trong năm 2025, Công ty đã sản xuất và xuất bán đạt kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu trong năm trên 401,9 tỷ đồng, tăng 21,53% so với kết quả đạt được năm 2024. Máy móc hoạt động ổn định, năng suất lao động tăng. Công ty đã tăng cường phát triển thị trường, tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới cho công ty.

Công ty TNHH Giấy Giao Long

- Hoàn tất việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần Giấy Giao Long sang Công ty TNHH Giấy Giao Long, với 100% vốn sở hữu từ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre. Vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31/12/2025 đạt 450 tỷ đồng.
- Dự án đã hoàn thiện đầy đủ các điều kiện pháp lý theo quy định và chính thức được khởi công xây dựng từ ngày 30/12/2025.
- Tổng mức đầu tư của Dự án là 2.250 tỷ đồng. Đến nay, Công ty đã lựa chọn được các nhà cung cấp thiết bị và nhà thầu thi công các hạng mục chính với tổng giá trị hợp đồng đã ký kết đạt 1.281 tỷ đồng.

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long

- Trong năm 2025, hoạt động của công ty tương đối ổn định. Tổng doanh thu đạt được trong năm trên 79 tỷ đồng. Công ty đang đẩy mạnh phát triển thị trường ở Vĩnh Long cũng như các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long và tuyến vận tải đường thủy kết nối ra đời và vận hành thường xuyên sẽ làm giảm áp lực tắc nghẽn giao thông đường bộ, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng, tạo sự khác biệt với phương thức truyền thống.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	3.244.657.641.103	3.579.098.394.545	110,31%
Doanh thu thuần	3.596.507.144.729	3.631.039.418.696	100,96%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	271.089.341.970	450.065.190.258	166,02%
Lợi nhuận khác	8.133.459.023	7.264.992.331	89,32%
Lợi nhuận trước thuế	279.222.800.993	457.330.182.589	163,79%
Lợi nhuận sau thuế	242.196.652.212	393.088.335.567	162,30%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	20%	66,67%

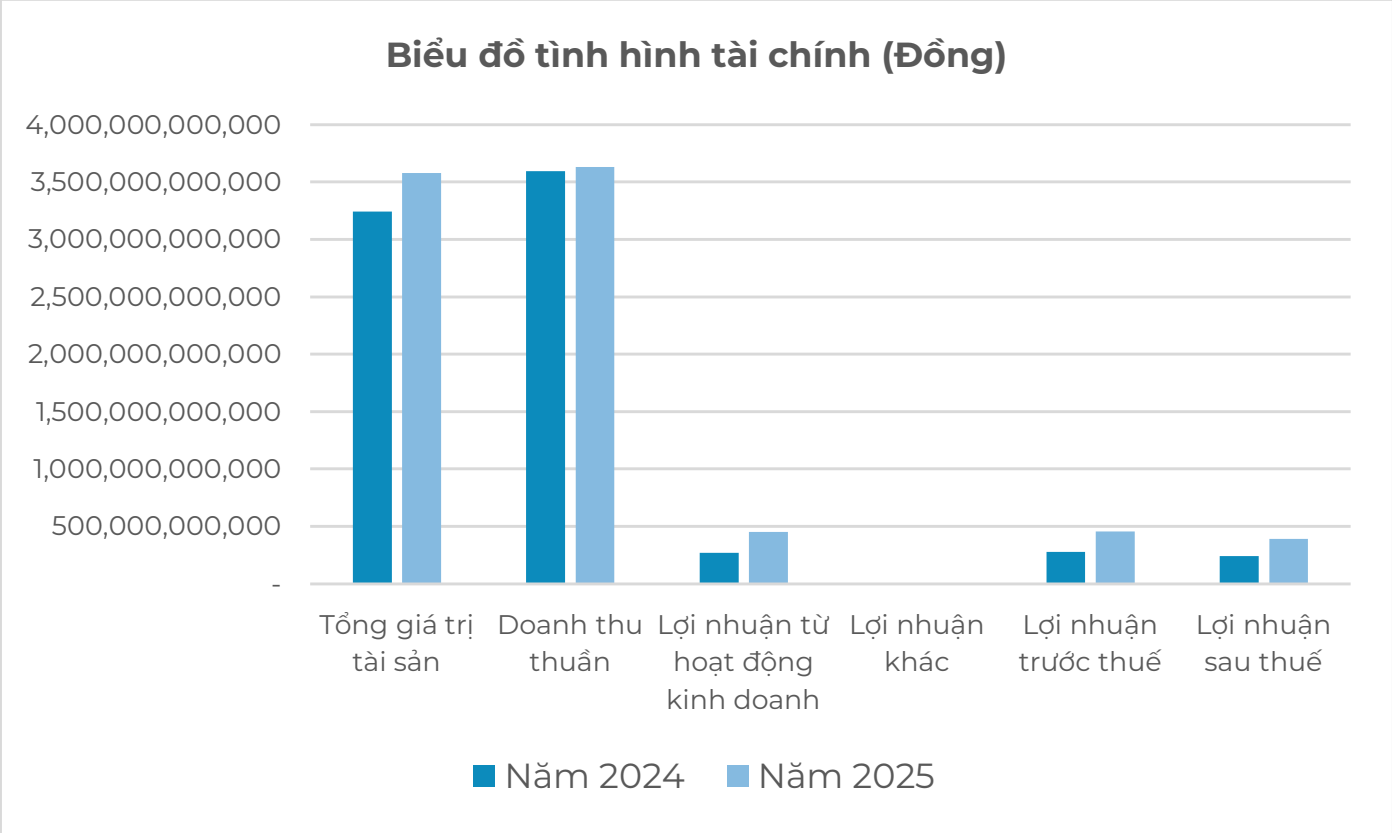

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,77	1,87
Hệ số thanh toán nhanh	1,34	1,51
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	38,27%	38,22%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	61,98%	61,86%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay Hàng tồn kho	6,16	5,99
Vòng quay Tổng tài sản	1,17	1,06
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,73%	10,83%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,09%	17,78%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,46%	10,98%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7,54%	12,39%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục củng cố năng lực tài chính với các chỉ số thanh khoản duy trì ở mức an toàn cao. Hệ số thanh toán hiện hành đạt 1,87 lần và hệ số thanh toán nhanh đạt 1,51 lần, ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với năm 2024. Kết quả này phản ánh sự chủ động trong việc tối ưu hóa cơ cấu tài sản ngắn hạn thông qua việc nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho và tăng cường các khoản đầu tư tài chính. Sự kết hợp này không chỉ giúp Công ty đảm bảo khả năng thanh toán kịp thời các nghĩa vụ tài chính mà còn nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, khẳng định vị thế tài chính vững chắc trước các đối tác và cổ đông.

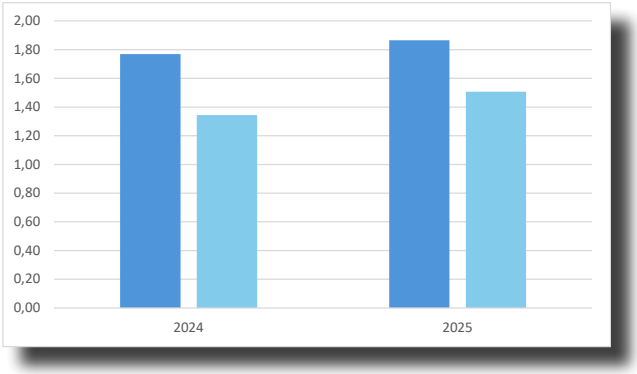

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trong năm 2025, cơ cấu vốn của Công ty tiếp tục được duy trì theo hướng an toàn và ổn định, phản ánh định hướng quản trị tài chính thận trọng và nhất quán của Ban Điều hành. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản gần như không thay đổi, giảm nhẹ từ 38,27% trong năm 2024 xuống 38,22% trong năm 2025.

Bên cạnh đó, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng được kiểm soát ổn định, giảm nhẹ từ 61,98% xuống 61,86%. Việc duy trì tỷ lệ đòn bẩy tài chính ở mức hợp lý giúp Công ty hạn chế rủi ro tài chính và áp lực chi phí lãi vay, trong khi vẫn đảm bảo đủ nguồn lực để phục vụ các kế hoạch đầu tư và mở rộng hoạt động trong trung và dài hạn.

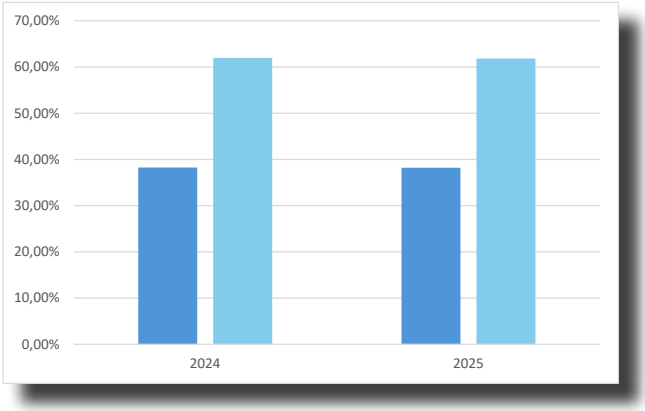

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Hệ số vòng quay hàng tồn kho năm 2025 đạt 5,99 lần, có sự điều chỉnh nhẹ so với mức 6,16 lần của năm 2024. Biến động này chủ yếu do giá vốn hàng bán trong kỳ giảm, trong khi công ty vẫn duy trì lượng hàng tồn kho bình quân ở mức ổn định để đáp ứng hoạt động kinh doanh. Dù giá vốn hàng bán năm 2025 thấp hơn năm 2024, nhưng doanh thu thuần năm 2025 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực.

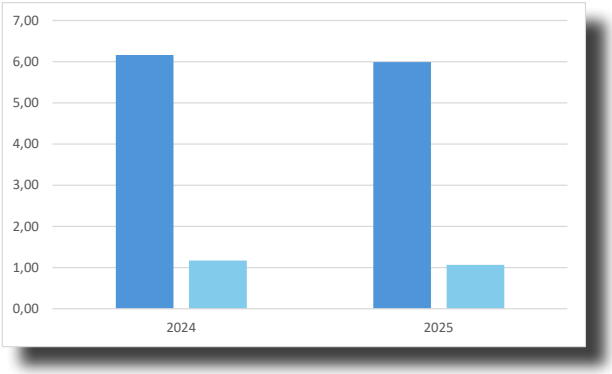

Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân cũng có mức điều chỉnh nhẹ từ 1,17 vào năm 2024, còn 1,06 năm 2025, chủ yếu đến từ việc duy trì quy mô tài sản ở mức cao.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2025, các chỉ số sinh lời của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ. Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt 10,83% (so với 6,73% của năm 2024), phản ánh hiệu quả trong việc kiểm soát các chi phí vận hành. Đồng thời, hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) và tổng tài sản (ROA) cũng lần lượt tăng lên mức 17,78% và 10,98%, cho thấy năng lực khai thác nguồn lực tài chính được cải thiện rõ rệt. Kết quả này khẳng định sự ổn định của hoạt động kinh doanh cốt lõi và khả năng đảm bảo lợi ích kinh tế cho các cổ đông trong năm qua.

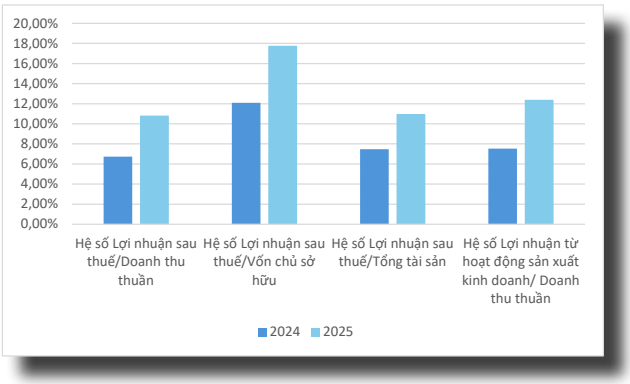

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Mã chứng khoán	DHC
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Tổng số cổ phần đã phát hành	96.591.206 cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	96.591.206 cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	Không có
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:	Không có

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (TẠI NGÀY 30/03/2026)

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu / VĐL (%)
1	Lê Bá Phương	10.361.709	10,73%
2	Nguyễn Thị Thủy	7.685.937	7,96%
3	KWE BETEILIGUNGEN AG	14.836.025	15,36%
4	HELVETISCHE BANK AG	6.249.026	6,47%
	TỔNG CỘNG	**39.132.697**	**40,51%**

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không phát sinh trong năm 2025

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không phát sinh trong năm 2025

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (TẠI NGÀY 30/03/2026)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL (%)
I	**Cổ đông Nhà nước**	-	-	-	-
II	**Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)**	4	39.132.697	391.326.970.000	40,51
1	Tổ chức	2	21.085.051	210.850.510.000	21,83
2	Cá nhân	2	18.047.646	180.476.460.000	18,68
III	**Công đoàn công ty**	-	-	-	-
IV	**Cổ phiếu quỹ**	-	-	-	-
V	**Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)**	-	-	-	-
IV	**Cổ đông khác**	4.663	57.458.509	574.585.090.000	59,49
1	Tổ chức	79	18.848.965	188.489.650.000	19,52
2	Cá nhân	4.584	38.609.544	386.095.440.000	39,97
	Tổng cộng	**4.667**	**96.591.206**	**965.912.060.000**	-
	Trong đó: *- Trong nước*	*4.522*	*62.622.004*	*626.220.040.000*	-
	- Nước ngoài	*145*	*33.969.202*	*339.692.020.000*	-

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Năm	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (đồng)
2021	699.944.230.000
2023	804.930.480.000
2025	**965.912.060.000**

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong bối cảnh các vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng, các doanh nghiệp trong ngành giấy đang phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng xung quanh. Với quy mô sản xuất lớn, Công ty không chỉ từng bước hướng đến các phương thức sản xuất bền vững hơn mà còn chú trọng xây dựng và triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường một cách chủ động và hiệu quả.

Công ty đã ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thực hiện thu gom và xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Cụ thể, rác thải sinh hoạt được xử lý thông qua Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre, trong khi chất thải nguy hại được thu gom và xử lý bởi Công ty TNHH Môi trường Chân Lý. Bên cạnh đó, Công ty cũng đầu tư và vận hành hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế 4.900 m^3/ngày đêm nhằm đảm bảo nước thải được xử lý đạt yêu cầu trước khi thải ra môi trường.

Tiếp nối những nỗ lực trong công tác bảo vệ môi trường, Công ty đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng ngừa cũng như kế hoạch ứng phó đối với các sự cố môi trường có thể xảy ra. Điều này không chỉ góp phần đảm bảo an toàn môi trường trong quá trình sản xuất mà còn thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội và cộng đồng. Việc triển khai các biện pháp phòng ngừa phù hợp cùng với kế hoạch ứng phó rõ ràng giúp hạn chế các rủi ro tiềm ẩn, đồng thời nâng cao khả năng xử lý hiệu quả khi phát sinh các tình huống khẩn cấp.

Cụ thể, Công ty đã xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và gửi Ban Quản lý Các Khu Công nghiệp tỉnh theo quy định.

Đối với sự cố cháy nổ

Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy ("PCCC") đúng theo luật và tuân thủ các tiêu chuẩn TCVN 2622-1995, TCVN 5760-1993, TCVN 5738-1993. Hệ thống PCCC bao gồm bình khí CO2 và bình bột chữa cháy được bố trí tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ. Ngoài ra, nhà máy cũng được trang bị các tủ chứa thiết bị chữa cháy và hệ thống báo cháy tại các khu sản xuất và nhà kho cùng với một hồ chứa nước dung tích 2.500m3 cũng đã được xây dựng để phục vụ cho việc chữa cháy.

Để nâng cao năng lực ứng phó, công ty đã thành lập đội PCCC chuyên ngành và đội PCCC cơ sở, đào tạo và huấn luyện định kỳ, cùng với tổ chức diễn tập PCCC hàng năm. Các biện pháp an toàn khác bao gồm cấm hút thuốc và cấm mang bật lửa trong khu vực nhà máy, và tất cả các đơn vị thầu bên ngoài phải ký cam kết nội quy an toàn khi làm việc tại công ty. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, công ty đã có kế hoạch ứng phó phân cấp dựa vào mức độ nguy hiểm của sự cố, kết hợp phối hợp với lực lượng PCCC địa phương và các công ty trong khu công nghiệp để xử lý hiệu quả.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Đối với hệ thống chống sét

Hệ thống chống sét đã được lắp đặt tại các vị trí cao trong khu vực các nhà máy để bảo vệ an toàn cho hoạt động sản xuất. Hệ thống này bao gồm các trụ thu sét và thu tĩnh điện, cùng với việc áp dụng các công nghệ mới trong cải tiến hệ thống chống sét. Điện trở tiếp đất của hệ thống được thiết kế sao cho phù hợp với điện trở suất của đất, đảm bảo điện trở xung kích ở mức dưới 10Ω khi điện trở của đất dưới 50.000Q/cm2 và trên 100 khi điện trở suất của đất vượt qua 50.000Q/cm2. Hệ thống chống sét định vị các trụ cao từ 10 - 14 mét để bảo vệ toàn diện cho nhà máy. Ngoài ra, hệ thống được kiểm định định kỳ hàng năm bởi đơn vị có chức năng để đảm bảo hoạt động hiệu quả và an toàn, nhất là trong điều kiện mưa bão và sấm sét.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Nhằm giảm thiểu và xử lý hiệu quả các sự cố rò rỉ hoặc tràn đổ hóa chất, công ty đã triển khai một loạt biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất cụ thể:

- Sắp xếp hóa chất gọn gàng, đảm bảo bao bì kín, không xếp chồng quá cao.
- Kiểm tra định kỳ tình trạng hóa chất trong kho.
- Kiểm tra bao bì và phuy can chứa hóa chất trong quá trình nhập hàng để phòng tránh rò rỉ.
- Sử dụng thiết bị không phát lửa và hệ thống thông gió tốt trong kho chứa hóa chất.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường cho trường hợp hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) vận hành không hiệu quả

Để đối phó với những trường hợp hệ thống xử lý nước thải không đạt hiệu quả, công ty đã thiết kế và thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó như sau, nhằm đảm bảo quá trình xử lý nước thải luôn duy trì ở mức tối ưu:

- Thiết kế hệ thống xử lý nước thải cho lưu lượng cao nhất.
- Theo dõi và kiểm tra định kỳ chất lượng nước thải đầu vào và ra.
- Chuẩn bị hệ thống thoát nước mưa riêng để phòng ngừa lưu lượng tăng do mưa lớn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các máy móc và bể xử lý.
- Vận hành hệ thống theo đúng quy trình, bảo trì thường xuyên thiết bị.
- Đào tạo cán bộ vận hành về quy trình và an toàn vận hành hệ thống.
- Lưu trữ nước thải tại bể sự cố và giảm sản lượng sản xuất nếu hệ thống xử lý không đạt hiệu quả.
- Thường xuyên làm sạch đường ống và kiểm tra mực nước trong bồn chứa.
- Chuẩn bị các thiết bị động lực dự phòng và bố trí nhân viên giám sát để đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
- Nếu cả hệ thống gặp sự cố, lưu chứa nước thải trong hồ sự cố và báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xin hướng dẫn khắc phục.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

MỤC TIÊU NET ZERO

- Để đồng hành cùng mục tiêu NET ZERO mà Chính phủ Việt Nam đặt ra, cũng như là một trong những công ty thực hiện kiểm kê khí nhà kính định kỳ, chúng tôi đã tiến hành kiểm kê lượng phát thải khí nhà kính từ năm 2024 cho Phạm vi 1 và 2.
- Bắt đầu từ năm 2025, phạm vi kiểm kê sẽ được mở rộng sang Phạm vi 3.
- Thông qua việc kiểm kê, chúng tôi đã phát hiện ra những "điểm đỏ" trong lượng phát thải khí nhà kính của toàn nhà máy. Từ đó, chúng tôi có thể thiết lập các mục tiêu và chiến lược giảm thiểu hiệu quả, hướng tới mục tiêu NET ZERO vào năm 2050.

MỤC TIÊU GIẢM THẢI KHÍ NHÀ KÍNH ĐẾN NĂM 2025

- Mục tiêu chiến lược đến năm 2030 (Giai đoạn 1): DOHACO cam kết giảm 5% cường độ phát thải khí nhà kính (KNK) ở cả Phạm vi 1 và Phạm vi 2 so với năm cơ sở 2024
- Tầm nhìn Net Zero: Hướng tới mục tiêu đạt trạng thái Net Zero (trung hòa carbon) hoàn toàn vào năm 2050, cân bằng giữa lượng phát thải và hấp thụ carbon.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

"Sử dụng năng lượng hiệu quả" không chỉ là vấn đề môi trường mà còn là một định hướng chiến lược đối với DOHACO – doanh nghiệp hoạt động trong ngành tiêu thụ năng lượng lớn. Việc quản trị năng lượng hiệu quả giúp Công ty giảm đáng kể chi phí vận hành, đồng thời kiểm soát trực tiếp lượng phát thải khí nhà kính. DOHACO xác định các khoản đầu tư vào công nghệ sản xuất tiên tiến và thực hành tiết kiệm năng lượng sẽ mang lại lợi ích lâu dài, vừa cải thiện hiệu quả tài chính vừa giảm thiểu tác động đến môi trường, đáp ứng kỳ vọng phát triển bền vững của các bên liên quan. Công ty đã triển khai Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001 trên toàn bộ nhà máy nhằm theo dõi, đánh giá mức tiêu thụ năng lượng và hạn chế lãng phí. Đường cơ sở năng lượng được thiết lập và giám sát định kỳ hàng tháng, giúp kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp sử dụng năng lượng bất thường.

Bên cạnh đó, DOHACO đầu tư hai hệ thống điện mặt trời áp mái với tổng công suất đáng kể (3.373 kWp và 2.062,755 kWp), góp phần giảm phụ thuộc vào điện lưới, tiết kiệm chi phí và cắt giảm phát thải CO_2. Trong năm 2025, tổng năng lượng tiêu thụ của Công ty đạt 131.897.754 kWh, trong đó điện TCE chiếm 55,5%, điện EVN chiếm 41,3% và điện mặt trời chiếm 3,2%. Những nỗ lực này không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn củng cố uy tín của DOHACO, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và tạo giá trị lâu dài cho cộng đồng.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là nguồn tài nguyên sống còn, tham gia trực tiếp vào hầu hết các công đoạn sản xuất giấy và bao bì (từ khâu đánh tơi bột giấy, làm mát hệ thống máy móc). Nguồn nước sau khi phục vụ sản xuất sẽ được thu gom để xử lý trước khi xả thải hoặc tái sử dụng. Quá trình xử lý này bao gồm nhiều bước như lọc, lắng, và xử lý sinh học nhằm đảm bảo nước thải đạt tiêu chuẩn an toàn trước khi xả thải vào hệ thống xử lý của Khu công nghiệp và quay trở lại tự nhiên. Ngoài ra, DOHACO còn tích cực tìm kiếm các giải pháp công nghệ mới để giảm thiểu lượng nước tiêu thụ và nâng cao hiệu quả tái sử dụng nước. Các hệ thống tái chế nước tiên tiến được áp dụng nhằm hạn chế tối đa việc khai thác nguồn nước tự nhiên, tái sử dụng một phần nước sau xử lý vào quy trình sản xuất, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường sống và phát triển bền vững cho cộng đồng.

Công ty thực hiện thu gom toàn bộ nước sau sản xuất để xử lý qua các công đoạn như hóa lý, sinh học và lắng, đảm bảo đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý tập trung của Khu công nghiệp Giao Long. Hệ thống xử lý nước thải của DOHACO có công suất thiết kế 4.900 m^3/ngày.đêm, tiếp nhận cả nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp từ các nhà máy. Song song đó, Công ty đẩy mạnh áp dụng các giải pháp công nghệ nhằm giảm tiêu thụ nước và tăng cường tái sử dụng nước sau xử lý trong sản xuất, góp phần hạn chế khai thác tài nguyên nước tự nhiên. Trong năm 2025, tổng lượng nước sử dụng đạt 1.564.499 m^3, phản ánh quy mô hoạt động sản xuất ổn định. Nhận thức rõ đặc thù hoạt động tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long – nơi chịu áp lực lớn từ biến đổi khí hậu và tình trạng hạn mặn – DOHACO xác định quản trị rủi ro về nước là ưu tiên hàng đầu, qua đó không chỉ đảm bảo tuân thủ quy định môi trường mà còn góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên nước và hệ sinh thái địa phương.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU

Tại DOHACO, quản trị hiệu quả nguồn nguyên vật liệu không chỉ đơn thuần là bài toán kiểm soát chi phí sản xuất mà còn là trách nhiệm lớn lao trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và giảm áp lực khai thác lên môi trường. Toàn bộ quy trình sản xuất được thiết kế nhằm tối đa hóa việc sử dụng vật liệu tái tạo và thân thiện với môi trường theo mô hình kinh tế tuần hoàn

1. Cam kết sử dụng 100% nguyên liệu tái chế: Đi ngược lại với mô hình khai thác tuyến tính phụ thuộc vào bột giấy nguyên sinh (virgin pulp) gây tổn hại đến rừng tự nhiên, DOHACO tự hào duy trì tỷ lệ 100% nguyên liệu sản xuất chính là vật liệu tái chế

- Nguồn nguyên liệu: Toàn bộ các sản phẩm giấy công nghiệp (Testliner, Medium) được sản xuất từ nguồn giấy phế liệu (OCC - Old Corrugated Containers) thu gom khép kín từ mạng lưới trong nước và các đối tác nhập khẩu
- Sản lượng thực tế: Lượng vật liệu tái chế được sử dụng trong năm 2025 đạt **362.639.465 kg**
- Tỷ trọng chi phí: Nguồn nguyên liệu tái chế này chiếm tới hơn 70% tổng chi phí sản xuất của doanh nghiệp

2. Sử dụng phụ gia sinh học thân thiện với môi trường: Bên cạnh nguyên liệu chính, DOHACO còn chú trọng đến các thành phần phụ trợ trong quá trình gia keo và xử lý bề mặt giấy Nhà máy đang liên tục tăng cường sử dụng các loại phụ gia có nguồn gốc sinh học, điển hình như tinh bột sắn, để thay thế dần các hóa chất tổng hợp có nguồn gốc từ hóa thạch

3. Tác động sinh thái và lợi ích môi trường: Việc duy trì mô hình sử dụng nguyên liệu tái chế mang lại những giá trị to lớn cho hệ sinh thái:

- Bảo vệ rừng tự nhiên: Tuyệt đối không sử dụng gỗ rừng tự nhiên, giúp bảo vệ đa dạng sinh học và giữ vững "lá phổi xanh" của Trái Đất
- Giảm tải rác thải rắn: Hàng trăm ngàn tấn giấy phế liệu thay vì bị chôn lấp (gây phát thải khí Metan) đã được thu hồi và tái sinh thành sản phẩm chất lượng cao
- Tối ưu hóa tài nguyên thứ cấp: Quá trình sản xuất từ giấy phế liệu đòi hỏi ít năng lượng và nước hơn đáng kể so với bột giấy nguyên sinh, từ đó trực tiếp giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên mỗi tấn sản phẩm

4. Mục tiêu chiến lược đến năm 2030: Trong lộ trình phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030, DOHACO đặt mục tiêu:

- Tiếp tục gia tăng tỷ lệ nguyên vật liệu tái chế và thúc đẩy tái chế, tái sử dụng phế phẩm
- Đảm bảo 100% vật liệu sản phẩm có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng vào năm 2030.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

DOHACO xác định người lao động là trung tâm trong chiến lược phát triển, qua đó triển khai hệ thống đãi ngộ toàn diện nhằm đảm bảo an sinh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định, Công ty còn mở rộng các chương trình chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ tài chính và phát triển cá nhân, tạo điều kiện để người lao động nâng cao kỹ năng và có lộ trình thăng tiến rõ ràng. Môi trường làm việc được xây dựng theo hướng thân thiện, năng động, khuyến khích sự gắn kết thông qua các hoạt động nội bộ. Nổi bật trong chính sách phúc lợi là các chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ, bao gồm Khám sức khỏe định kỳ và khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động; gói bảo hiểm tai nạn hỗ trợ chi phí khi xảy ra rủi ro; cùng với việc tuân thủ đầy đủ chế độ thai sản theo quy định, đảm bảo quyền lợi cho người lao động trong suốt quá trình làm việc và gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra, trong năm 2025, Ban lãnh đạo Công ty cùng tổ chức Công Đoàn luôn phối hợp chặt chẽ, quan tâm và chăm lo cho đời sống CBCNV công ty, kịp thời hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, trợ cấp "Mái Ấm Đông Hải", tặng quà Tết Nguyên đán, Tết trung thu cho toàn thể CBCNV công ty,...với tổng số tiền trên 870 triệu đồng.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội như ủng hộ cho người dân ĐakLak (Phú Yên cũ) bị ảnh hưởng sau bão lũ, chi hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn xã, tặng học bổng cho học sinh, tặng quà cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn,... với tổng số tiền trên 750 triệu đồng.

Thông qua các hoạt động này, Công ty thể hiện trách nhiệm đối với người lao động và cộng đồng, đồng thời góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, gắn kết và phát triển bền vững.

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI CỦA DOANH NGHIỆP
- GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2025, ngành giấy Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức từ bối cảnh kinh tế toàn cầu. Giá nguyên liệu đầu vào như bột giấy và giấy tái chế thu hồi biến động, làm gia tăng áp lực chi phí sản xuất. Đồng thời, nhu cầu thị trường chưa thực sự ổn định trong khi năng lực sản xuất của ngành vẫn mở rộng, khiến mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gia tăng.

Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Tổng doanh thu năm 2025 đạt hơn 3.631 tỷ đồng, tăng 0,96% so với năm 2024. Mức tăng trưởng doanh thu không lớn nhưng vẫn đảm bảo duy trì quy mô hoạt động trong điều kiện thị trường còn nhiều thách thức.

Nhờ kiểm soát chi phí hiệu quả và tối ưu hoạt động sản xuất, tổng chi phí trong năm giảm so với năm trước, góp phần cải thiện đáng kể hiệu quả kinh doanh. Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 457 tỷ đồng, tăng 63,79%, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt hơn 393 tỷ đồng, tăng 62,30% so với năm 2024.

Ở mảng giấy, Công ty duy trì sản xuất ổn định thông qua việc chủ động quản lý nguồn nguyên liệu, kiểm soát chi phí và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đối với mảng bao bì, nhu cầu từ các ngành thực phẩm, thủy sản, hàng tiêu dùng và nông sản tiếp tục hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Việc phát triển các dòng bao bì thân thiện với môi trường cũng góp phần củng cố vị thế cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	Năm 2025	Tỷ trọng 2025	%2025/ 2024
Tài sản ngắn hạn	2.186.220.726.161	67,38%	2.552.207.693.716	71,31%	116,74%
Tài sản dài hạn	1.058.436.914.942	32,62%	1.026.890.700.829	28,69%	97,02%
Tổng Tài sản	3.244.657.641.103	100,00%	3.579.098.394.545	100,00%	110,31%

Tại thời điểm cuối năm, tổng tài sản của Công ty ghi nhận sự gia tăng hơn 334 tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 10,3% so với đầu năm. Sự biến động này chủ yếu đến từ việc mở rộng quy mô các tài sản ngắn hạn, đặc biệt là sự gia tăng của các khoản tiền, tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. Việc tập trung nguồn lực vào các tài sản có tính thanh khoản cao không chỉ củng cố sức khỏe tài chính mà còn giúp doanh nghiệp chủ động tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn lưu động trong kỳ.

Về cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn đóng vai trò chủ đạo khi chiếm tỷ trọng 71,31% tổng tài sản, phản ánh đặc thù hoạt động kinh doanh linh hoạt của Công ty. Trong khi đó, tài sản dài hạn chiếm 28,69% và có xu hướng giảm nhẹ do khấu hao tài sản cố định hữu hình. Cơ cấu này cho thấy sự dịch chuyển theo hướng ưu tiên tính thanh khoản, đảm bảo khả năng ứng phó kịp thời với các cơ hội đầu tư tài chính và nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	Năm 2025	Tỷ trọng 2025	%2025/ 2024
Nợ ngắn hạn	1.236.078.204.990	99,56%	1.367.856.007.665	100,00%	110,66%
Nợ dài hạn	5.500.000.000	0,44%	-	0,00%	0,00%
Tổng nợ phải trả	1.241.578.204.990	100,00%	1.367.856.007.665	100,00%	110,17%

Tại thời điểm cuối năm 2025, tổng nguồn vốn của Công ty đạt hơn 3.579 tỷ đồng, tăng khoảng 10,3% so với năm 2024. Sự thay đổi này chủ yếu đến từ việc gia tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ và biến động của các khoản nợ vay ngắn hạn nhằm phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Về cơ cấu nguồn vốn, Công ty duy trì một cấu trúc tài chính lành mạnh và tự chủ khi vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng chủ yếu. Nợ phải trả chiếm 38,2% còn lại và chủ yếu là nợ ngắn hạn, trong khi nợ dài hạn đã được tất toán hoàn toàn trong năm. Với cơ cấu nguồn vốn hiện tại, không chỉ giúp Công ty giảm thiểu áp lực chi phí lãi vay, mà còn tạo ra nền tảng tài chính vững chắc, đảm bảo khả năng thanh toán và gia tăng mức độ an toàn vốn trước các biến động của thị trường.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm, Công ty cũng đạt những tiến bộ trong quản trị, công ghệ và trách nhiệm xã hội. Về quản trị, Hội đồng quản trị tuân thủ uy định, thực hiện tốt công tác quản trị và công bố thông tin. Ngoài ra, công ty đã từng bước triển khai các giải pháp phát triển bền vững theo ESG, đẩy mạnh sử dụng năng lượng tái tạo bằng cách đưa vào sử dụng thêm hệ thống điện mặt trời, thực hiện tiết kiệm năng lượng trong sản xuất bằng việc sử dụng hệ thống bơm chân không,...nhằm hướng đến mục tiêu sản xuất xanh, Net Zero của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre không ngừng nỗ lực cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và hướng đến phát triển bền vững. Trong năm qua, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp quan trọng liên quan đến cơ cấu tổ chức, chính sách và công tác quản lý.

Về quản trị công ty, Hội đồng quản trị tiếp tục hoàn thiện các hoạt động quản trị, tăng cường đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên, đồng thời tìm kiếm và triển khai hệ thống phần mềm kế toán ERP theo chuẩn mực quốc tế nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý.

Trong lĩnh vực sản xuất và quản lý nội bộ, Công ty thực hiện rà soát và sắp xếp lại nhân sự để đảm bảo bố trí công việc phù hợp, xây dựng và kiểm soát định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đồng thời tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý an toàn hóa chất và duy trì vệ sinh 5S tại nhà máy.

Đối với hoạt động kinh doanh, Công ty tiếp tục mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu, chú trọng phát triển các khách hàng lớn, triển khai chính sách bán hàng và thu hồi công nợ hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường cập nhật thông tin thị trường và thực hiện đánh giá nhà cung cấp nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định.

Về đầu tư và phát triển, Công ty tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị và các hạng mục xây dựng cơ bản nhằm nâng cao năng lực sản xuất và phát triển sản phẩm mới. Đồng thời, Công ty cũng tìm kiếm địa điểm phù hợp để di dời và đầu tư nhà máy bao bì mới, song song với việc xây dựng kế hoạch nhân sự kế thừa nhằm đảm bảo nguồn lực cho các định hướng phát triển trong tương lai.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2026
I. Tổng Doanh thu	**Tỷ đồng**	**3.800**
1. Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	Tỷ đồng	3.362
2. Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	Tỷ đồng	438
II. Lợi nhuận sau thuế	**Tỷ đồng**	**350**

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Trong năm 2025, Công ty đã xem xét lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu về năng lực chuyên môn, uy tín nghề nghiệp, kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động, tính độc lập, cũng như mức phí dịch vụ hợp lý. Trên cơ sở các tiêu chí đã được thiết lập, Hội đồng quản trị đã xem xét, thông qua và lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quản trị doanh nghiệp.

Đối với kết quả và ý kiến của Kiểm toán viên, Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý và không có giải trình gì thêm

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Ban Tổng Giám đốc đánh giá cao những nỗ lực đáng kể của công ty trong việc thực hiện trách nhiệm môi trường. Công ty đã chủ động chuyển hướng sang các phương pháp sản xuất bền vững. Đặc biệt, công ty đã lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường chi tiết, bao gồm các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với cháy nổ, rò rỉ nguyên nhiên liệu, tràn đổ hóa chất và sự cố hệ thống xử lý nước thải. Ngoài ra, việc công ty sử dụng giấy phế liệu tái chế và triển khai dự án điện mặt trời là những bước tiến quan trọng hướng tới sản xuất xanh và bền vững. Việc duy trì hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018 và ISO 50001:2018 cũng được Công ty tiếp tục thực hiện, cho thấy cam kết cao trong việc quản lý và cải tiến liên tục. Nhìn chung, công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm môi trường, với điểm nổi bật là sự đầu tư vào hệ thống xử lý và ứng phó sự cố, cùng với việc quản lý nguyên liệu và năng lượng hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Ban Tổng Giám đốc nhận xét rằng Công ty đã thực hiện các hoạt động liên quan đến trách nhiệm xã hội với cộng đồng địa phương một cách xuất sắc. Các hoạt động từ thiện, hỗ trợ và tài trợ cho các gia đình và tổ chức gặp khó khăn không chỉ giúp Công ty tạo ra một hình ảnh tích cực mà còn chia sẻ những khó khăn với họ.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty thể hiện sự quan tâm và trách nhiệm đối với người lao động. Ban lãnh đạo công ty phối hợp với công đoàn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, đồng thời chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho họ. Cụ thể, công ty đã có những hoạt động thiết thực như hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, trợ cấp và tặng quà cho CBCNV vào các dịp lễ Tết. Những hoạt động này cho thấy sự coi trọng của công ty đối với nguồn nhân lực và nỗ lực xây dựng môi trường làm việc tốt đẹp.

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025 tiếp tục là một năm đầy thử thách khi tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp, dẫn đến những bất ổn về chi phí vận hành và logistics. Tuy nhiên, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội đồng quản trị cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre đã đồng lòng duy trì sự ổn định trong công tác điều hành và sản xuất. Trước những rào cản từ thị trường, Công ty cam kết không ngừng nỗ lực, tận dụng mọi nguồn lực nội tại để vượt qua khó khăn, quyết tâm hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược và hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh đã được cổ đông tin tưởng giao phó.

VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre luôn tuân thủ tốt pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty đã đầu tư và vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất và đạt tiêu chuẩn quốc tế. Công ty cũng thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng và nước hiệu quả. Hội đồng Quản trị đánh giá rằng các hoạt động liên quan đến môi trường của Công ty đều được thực hiện một cách hiệu quả, duy trì môi trường xanh, sạch và đẹp.

VỀ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre quan tâm và chăm lo cho đời sống của người lao động, xây dựng môi trường làm việc an toàn và lành mạnh, đảm bảo các chế độ lương thưởng, phúc lợi và bảo hiểm. Hội đồng Quản trị đánh giá cao các hoạt động tuyển dụng, đào tạo và bổ sung kiến thức cho người lao động, cũng như các chính sách liên quan đến quyền lợi của người lao động.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

VỀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre thực hiện tốt trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương. Công ty thực hiện các hoạt động từ thiện, hỗ trợ và tài trợ cho các gia đình và tổ chức gặp khó khăn. Hội đồng Quản trị đánh giá cao những đóng góp này của Công ty.

VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc công tác quản trị công ty theo đúng các quy định hiện hành, điều lệ và quy chế của công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị hành động vì quyền lợi của công ty và cổ đông, thực hiện công bố thông tin đầy đủ và kịp thời. Công ty đã thành lập Ban kiểm toán nội bộ để giám sát các mặt hoạt động và đảm bảo tuân thủ quy định.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc một cách thường xuyên, liên tục. Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với định hướng chiến lược và kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt. Hoạt động điều hành được triển khai chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường, đồng thời đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, góp phần duy trì hoạt động ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, Điều lệ công ty và Quy chế quản trị công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.
- HĐQT lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành, tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT đã đề ra.
- HĐQT sẽ tiếp tục hoàn thiện các hoạt động quản trị công ty. Theo đó, HĐQT sẽ đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo hướng chặt chẽ hơn, nhằm tăng cường vai trò và trách nhiệm của các thành viên.
- Tiếp tục phát triển tốt mối quan hệ với các nhà đầu tư và cổ đông, đảm bảo việc công bố thông tin theo quy định.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC VÀ HÀNH ĐỘNG VÌ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty đã thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với phát triển bền vững thông qua việc triển khai toàn diện định hướng ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) đến toàn thể cán bộ công nhân viên. Các chương trình đào tạo và hướng dẫn chi tiết đã được tổ chức nhằm nâng cao nhận thức và thúc đẩy thực hành ESG trong mọi hoạt động của công ty.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện một bước tiến quan trọng trong hành trình giảm thiểu tác động đến môi trường. Việc hoàn thành báo cáo khí nhà kính theo quy định không chỉ là nghĩa vụ pháp lý, mà còn là nền tảng để Công ty phân tích sâu sắc và xây dựng chiến lược giảm phát thải hiệu quả. Với việc đầu tư vào dự án điện mặt trời với tổng công suất 3.373 kWp và một số dự án khác sẽ được triển khai trong thời gian tới, Công ty đang chuyển đổi mạnh mẽ sang sử dụng năng lượng tái tạo, góp phần giảm thiểu lượng khí thải carbon và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá.

Bên cạnh đó, việc duy trì và đạt được các chứng nhận ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018 và ISO 50001:2018 là minh chứng cho cam kết của Công ty trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, môi trường, an toàn lao động và quản lý năng lượng. Những chứng nhận này không chỉ nâng cao hiệu quả hoạt động, mà còn khẳng định trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng, xã hội.

Trong năm 2026, Hội đồng quản trị - Ban lãnh đạo Công ty sẽ tiếp tục có thêm nhiều kế hoạch và hành động thiết thực hơn nữa để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Bởi với DHC, phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu, mà còn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Công ty.

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- THỰC HIỆN QUYỀN CỔ ĐÔNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG
- HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT
- ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

THỰC HIỆN QUYỀN CỔ ĐÔNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đảm bảo nguyên tắc công bằng, minh bạch và bình đẳng trong đối xử với tất cả các cổ đông. Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đúng thời hạn theo quy định; toàn bộ tài liệu Đại hội được công bố đầy đủ, kịp thời và đúng quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp cận thông tin và thực hiện quyền biểu quyết.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì cơ chế tiếp nhận và xử lý ý kiến, kiến nghị, khiếu nại của cổ đông theo đúng quy trình nội bộ và quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo mọi ý kiến của cổ đông đều được xem xét, phản hồi kịp thời, góp phần tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị doanh nghiệp.

Về chính sách cổ tức, trong năm 2025, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quy định pháp luật, cụ thể: (i) tháng 04/2025, Công ty thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ 10%/cổ phiếu; (ii) tháng 05/2025, thực hiện chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5:1; và (iii) tháng 11/2025, thực hiện chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 10%/cổ phiếu. Việc chi trả cổ tức được thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó TGĐ Công ty	21/06/2014	
02	Ông Lê Bá Phương	Phó CT HĐQT/ TGĐ Công ty	05/03/2004	
03	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT không điều hành	26/04/2012	
04	Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT độc lập – không điều hành	26/06/2020	
05	Ông Dương Thành Công	Thành viên HĐQT không điều hành	17/06/2022	

CÁC CUỘC HỌP HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Lương Văn Thành	19	19/19	
02	Ông Lê Bá Phương	19	19/19	
03	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	17	17/19	Vì lý do sức khỏe
04	Ông Marco Martinelli	19	19/19	
05	Ông Dương Thành Công	19	19/19	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc là hoạt động thường xuyên và liên tục. HĐQT tập trung giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, qui chế quản trị công ty đối với các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc, giám sát các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra. Năm 2025, các mặt hoạt động công ty duy trì phát triển ổn định.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện nay công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ CƠ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre xác định phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt trong chiến lược dài hạn, đồng thời là yếu tố cốt lõi nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đóng vai trò quan trọng trong việc định hình khung quản trị rủi ro và cơ hội liên quan đến các yếu tố Môi trường - Xã hội - Quản trị, bảo đảm sự tích hợp chặt chẽ giữa mục tiêu tăng trưởng kinh doanh với trách nhiệm đối với người lao động, cộng đồng và môi trường.

Cụ thể, Hội đồng quản trị thực hiện chức năng giám sát và định hướng thông qua việc ban hành các chính sách quản trị rủi ro tổng thể, trong đó nhận diện và đánh giá các rủi ro trọng yếu như biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, rủi ro môi trường trong hoạt động sản xuất giấy, yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường xuất khẩu về tiêu chuẩn bền vững, giám sát việc thực hiện các chính sách đã cam kết với người lao động, cũng như các rủi ro liên quan đến tuân thủ pháp luật và quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, Hội đồng quản trị phối hợp với Ban Tổng Giám đốc xây dựng và triển khai các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu rủi ro phù hợp, gắn với hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn lao động mà Công ty đang áp dụng.

Bên cạnh việc kiểm soát rủi ro, Hội đồng quản trị cũng chủ động nhận diện và khai thác các cơ hội phát triển bền vững, đặc biệt trong bối cảnh xu hướng kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn ngày càng được thúc đẩy. Công ty tập trung tận dụng lợi thế trong hoạt động sản xuất giấy tái chế, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, tiết giảm năng lượng và nâng cao hiệu quả vận hành. Đồng thời, việc duy trì các chứng nhận quốc tế như FSC, ISO và các tiêu chuẩn liên quan không chỉ giúp Công ty đáp ứng yêu cầu của thị trường mà còn mở rộng cơ hội tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Hội đồng quản trị định kỳ xem xét, đánh giá hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro và các sáng kiến phát triển bền vững, qua đó kịp thời điều chỉnh chiến lược và định hướng hoạt động của Công ty. Việc tăng cường minh bạch thông tin, nâng cao trách nhiệm giải trình và tiệm cận các chuẩn mực quản trị tiên tiến tiếp tục là cam kết xuyên suốt của Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững và hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
01	01/NQ-HĐQT	02/01/2025	- Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre với Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.	100%
02	02/NQ-HĐQT	02/01/2025	- Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre với Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long.	100%
03	03/NQ-HĐQT	02/01/2025	- Thống nhất thông qua chủ trương tiếp tục thực hiện hợp đồng số 12 _DHC_THANHCONG2018 giữa Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre với Công ty Cổ phần Dịch Vụ Năng Lượng Thành Công – Tổ chức có liên quan của người nội bộ Ông Dương Thành Công.	100%
04	04/NQ-HĐQT	02/01/2025	- Thống nhất phê duyệt Tờ trình số 01/TT-HĐQT ngày 02/01/2025 về việc đề nghị đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/01/2025.	100%
05	05/NQ-HĐQT	27/01/2025	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 04/2024 và mục tiêu kế hoạch quý 1/2025.	100%
06	06/NQ-HĐQT	27/01/2025	- Thống nhất miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm toán Nội bộ đối với Bà Bùi Thị Ngọc Diễm từ 01/02/2025. - Thống nhất bổ sung ông Lê Trung Hiếu vào vị trí Thành viên Ban Kiểm Toán Nội Bộ - Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre kể từ ngày 01/02/2025.	100%
07	07/NQ-HĐQT	17/02/2025	- Thống nhất chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.	100%
08	08/NQ-HĐQT	17/02/2025	- Thống nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền cho cổ đông.	100%
09	09/NQ-HĐQT	17/02/2025	- Thống nhất thông qua chủ trương đầu tư Hệ thống bơm chân không cho Nhà máy Giấy Giao Long.	80%
10	10/NQ-HĐQT	17/03/2025	- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.	100%
11	11/NQ-HĐQT	17/03/2025	- Thống nhất về việc vay vốn tại Ngân Hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam.	100%
12	12/NQ-HĐQT	17/03/2025	- Thống nhất các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.	100%
13	13/NQ-HĐQT	09/04/2025	- Thống nhất thực hiện việc nhận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông tại Công ty Cổ Phần Giấy Giao Long.	100%
14	14/NQ-HĐQT	09/04/2025	- Thống nhất việc chuyển đổi Công ty Cổ phần Giấy Giao Long thành Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giấy Giao Long, cử Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre tại Công ty TNHH Giấy Giao Long và các nội dung khác có liên quan.	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
15	15/NQ-HĐQT	09/04/2025	- Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua ngày 09/04/2025.	100%
16	16/NQ-HĐQT	29/04/2025	- Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2025 - 2026 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.	100%
17	17/NQ-HĐQT	29/04/2025	- Thống nhất về hạn mức tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.	100%
18	18/NQ-HĐQT	29/04/2025	- Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu.	100%
19	19/NQ-HĐQT	10/06/2025	- Thông qua tăng Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre từ 804.930.480.000 đồng lên thành 965.912.060.000 đồng. - Thông qua sửa đổi Khoản 1 Điều 6 của Điều lệ Công ty tương ứng với mức vốn điều lệ tăng lên sau khi phát hành 16.098.158 cổ phiếu. - Thông qua việc thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết chứng khoán bổ sung với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).	100%
20	20/NQ-HĐQT	27/06/2025	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.	100%
21	21/NQ-HĐQT	27/06/2025	- Thông qua việc góp thêm vốn vào công ty con - Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Giấy Giao Long.	100%
22	22/NQ-HĐQT	27/06/2025	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 01/2025 và mục tiêu kế hoạch quý 2/2025.	100%
23	23/NQ-HĐQT	14/07/2025	- Thống nhất thông qua các Tờ trình của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Giấy Giao Long về việc chọn Nhà cung cấp cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	100%
24	24/NQ-HĐQT	14/07/2025	- Thống nhất chọn đơn vị thiết kế cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	100%
25	25/NQ-HĐQT	01/08/2025	- Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre từ ngày 01/08/2025.	100%
26	26/NQ-HĐQT	01/08/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp thiết bị hệ thống chuẩn bị bột cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	100%
27	27/NQ-HĐQT	13/08/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp máy xeo và thiết bị phụ trợ cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	100%
28	28/NQ-HĐQT	13/08/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp thiết bị của máy xeo giấy cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
29	29/NQ-HĐQT	13/08/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp thiết bị của máy xeo giấy cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	100%
30	30/NQ-HĐQT	13/08/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp thiết bị của máy xeo giấy cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	100%
31	31/NQ-HĐQT	13/08/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp vật tư cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	100%
32	32/NQ-HĐQT	13/08/2025	- Thống nhất mức chi thù lao cho các Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Giấy Giao Long từ ngày 01/07/2025.	100%
33	33/NQ-HĐQT	13/08/2025	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 02/2025 và mục tiêu kế hoạch Quý 03 năm 2025.	100%
34	34/NQ-HĐQT	20/08/2025	- Thống nhất chọn đơn vị cung cấp lắp đặt thiết bị cho hệ thống xử lý nước thải cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	80%
35	35/NQ-HĐQT	29/09/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp thiết bị máy xeo giấy cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	80%
36	36/NQ-HĐQT	29/09/2025	- Thống nhất chọn Nhà thầu thi công xây dựng Xưởng sản xuất giấy cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	80%
37	37/NQ-HĐQT	29/09/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp vật tư xây dựng cho Xưởng sản xuất giấy của Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	80%
38	38/NQ-HĐQT	29/09/2025	- Thống nhất xét chọn nhà cung cấp vật tư xây dựng cho Xưởng sản xuất giấy thuộc Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	80%
39	39/NQ-HĐQT	02/10/2025	- Thống nhất việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	100%
40	40/NQ-HĐQT	02/10/2025	- Thống nhất chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền cho cổ đông.	100%
41	41/NQ-HĐQT	15/10/2025	- Thống nhất việc vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang.	100%
42	42/NQ-HĐQT	27/10/2025	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 03/2025 và mục tiêu kế hoạch Quý 04 năm 2025.	100%
43	43/NQ-HĐQT	27/10/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp thiết bị của máy xeo giấy cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	100%
44	44/NQ-HĐQT	27/10/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp hệ thống cầu trục cho xưởng giấy cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	80%
45	45/NQ-HĐQT	06/11/2025	- Thống nhất nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025.	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
46	46/NQ-HĐQT	20/11/2025	- Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty TNHH Giấy Giao Long (Công ty con của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre) và Công ty Cổ phần Thuận Hải Energy (tổ chức có liên quan của Người nội bộ - Ông Dương Thành Công).	75%
47	47/NQ-HĐQT	22/12/2025	- Thống nhất chọn Nhà cung cấp vật tư xây dựng Xưởng giấy và Xưởng bột cho Dự án "Nhà Máy Giấy" của Công ty TNHH Giấy Giao Long.	80%
48	48/NQ-HĐQT	31/12/2025	- Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre với Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre.	80%
49	49/NQ-HĐQT	31/12/2025	- Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre với Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long.	80%
50	50/NQ-HĐQT	31/12/2025	- Thống nhất thông qua chủ trương tiếp tục thực hiện hợp đồng 12 DHC_THANHCONG2018 giữa Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre với Công ty Cổ phần Dịch Vụ Năng Lượng Thành Công – Tổ chức có liên quan của người nội bộ Ông Dương Thành Công.	75%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	20/05/2017	
02	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên	26/04/2012	
03	Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	17/06/2022	

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	04/04	100%	
02	Bà Đoàn Hồng Lan	04/04	100%	
03	Ông Nguyễn Quốc Bình	04/04	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định Điều lệ tổ chức. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- HĐQT đã ban hành Nghị quyết và các Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của mình. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT; thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng điều lệ Công ty và pháp luật quy định.
- Đối với cổ đông, BKS thực hiện đúng theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Thường xuyên trao đổi với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất, tình hình kinh doanh.
- BKS đã trao đổi và thống nhất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác về nội dung, kế hoạch kiểm tra, giám sát tại Công ty và luôn nhận được sự hỗ trợ, hợp tác của Ban điều hành và các bộ phận có liên quan.
- Tham gia kiểm kê tồn kho 06 tháng đầu năm, 06 tháng cuối năm năm 2025, kiểm kê TSCĐ năm 2025, tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
- Các khuyến nghị, đề xuất của BKS đều được HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS (NẾU CÓ)

Không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tên	Chức vụ	Thù lao 2025 (đồng)	Tiền lương, thưởng 2025 (đồng)	Tổng cộng (đồng)
Hội đồng quản trị				
Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó TGĐ Công ty	120.000.000	1.198.956.941	1.318.956.941
Ông Lê Bá Phương	Phó CT HĐQT/ TGĐ Công ty	120.000.000	1.701.581.823	1.821.581.823
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000.000	534.812.077	654.812.077
Ông Marco Martinelli	Thành viên HĐQT độc lập – không điều hành	120.000.000	-	120.000.000
Ông Dương Thành Công	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000.000	-	120.000.000
Ban kiểm soát				
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	60.000.000	-	60.000.000
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS	48.000.000	143.379.348	191.379.348
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên BKS	48.000.000	-	48.000.000
Ban điều hành				
Ông Lê Bá Phương	Tổng Giám Đốc	Đã nêu ở trên		
Ông Lương Văn Thành	Phó Tổng Giám Đốc	Đã nêu ở trên		
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	-	1.250.592.891	1.250.592.891
Bà Nguyễn Hồng Thanh	Kế toán trưởng	-	816.748.534	816.748.534

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

GIẢI TRÌNH VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre xây dựng và thực hiện chính sách thù lao trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc minh bạch, công bằng, phù hợp với quy mô hoạt động. Việc xác định mức thù lao được xem xét trên nhiều yếu tố, bao gồm: quy mô và đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; mức độ hoàn thành; trách nhiệm, khối lượng công việc và mức độ tham gia của từng thành viên; mặt bằng thù lao trên thị trường đối với các doanh nghiệp cùng ngành. Bên cạnh đó, chính sách thù lao cũng gắn với yêu cầu bảo đảm sự cân đối giữa lợi ích của Công ty và lợi ích chung của cổ đông.

Hằng năm, căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển trong từng giai đoạn, Hội đồng quản trị xây dựng phương án thù lao trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thảo luận và phê duyệt theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông là cơ sở pháp lý để Công ty triển khai thực hiện, bảo đảm tính công khai, minh bạch và tuân thủ trong công tác quản trị.

Thông qua cơ chế này, Công ty khẳng định cam kết thực hiện quản trị doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, đồng thời bảo đảm sự hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan, góp phần củng cố niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư đối với hoạt động quản trị của Công ty.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ TRONG NĂM 2025

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	KWE BETEILIGUNGEN AG	Cổ đông trên 10%	11.885.488	14,77%	14.836.025	15,36%	Cổ tức/Mua
02	Lương Văn Thành	CT. HĐQT/ PTGĐ	3.061.417	3,8%	3.650.300	3,78%	Cổ tức/Bán
03	Lê Bá Phương	PCT. HĐQT/ TGĐ	7.515.008	9,34%	9.707.609	10,05%	Cổ tức/Mua
04	Nguyễn Thị Thủy	Người có liên quan của ông Lê Bá Phương	5.689.448	7,07%	7.690.436	7,96%	Cổ tức/Mua
05	Lê Bá Hùng	Người có liên quan của ông Lê Bá Phương	707.040	0,88%	1.350.000	1,40%	Cổ tức/Mua
06	Trương Văn Bình	Người có liên quan của ông Lê Bá Phương	46.143	0.06%	55.371	0,06%	Cổ tức
07	Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	1.761.900	2,19%	1.990.800	2,06%	Cổ tức/Bán
08	Nguyễn Thị Bích Liên	Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Nghĩa	0	0,00%	30	0,00%	Mua
09	Marco Martinelli	Thành viên HĐQT	186.875	0,23%	333.000	0,34%	Cổ tức/mua
10	Turicum Investment Management AG	Tổ chức có liên quan của ông Marco Martinelli	370.000	0,46%	444.000	0,46%	Cổ tức
11	Dương Thành Công	Thành viên HĐQT	1.254.250	1,56%	2.285.100	2,37%	Cổ tức/Mua
12	Thái Việt Hà	Người có liên quan của ông Dương Thành Công	0	0,00%	100.000	0,10%	Mua

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ TRONG NĂM 2025 (TIẾP THEO)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
13	Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng Ban Kiểm soát	22.252	0,03%	26.702	0,03%	Cổ tức
14	Đoàn Hồng Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	460	0,00%	552	0,00%	Cổ tức
15	Lê Minh Thanh	Người có liên quan của bà Đoàn Hồng Lan	24.462	0,03%	31.754	0,03%	Cổ tức/Mua
16	Đoàn Thị Minh Thi	Người có liên quan của bà Đoàn Hồng Lan	400	0,00%	1.400	0,00%	Cổ tức/Mua
17	Nguyễn Quốc Bình	Thành viên BKS	900.348	1,12%	1.685.037	1,74%	Cổ tức/Mua
18	Ngô Thị Thu Hòe	Người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Bình	192.050	0,24%	265.460	0,27%	Cổ tức/Mua
19	Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	103.511	0,13%	120.013	0,12%	Cổ tức/Bán
20	Hồ Phương Hải	Người có liên quan của bà Hồ Thị Song Ngọc	5.570	0,007%	2.944	0,003%	Cổ tức/Bán
21	Nguyễn Thị Ngọc Sương	Trưởng Ban Kiểm Toán Nội Bộ	4.455	0,006%	5.706	0,01%	Cổ tức/Mua
22	Nguyễn Trường Thịnh	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Ngọc Sương	100.000	0,12%	120.000	0,12%	Cổ tức
23	Nguyễn Ngọc Tố Uyên	Người phụ trách quản trị	14.490	0,018%	17.000	0,018%	Cổ tức/Bán

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ TRONG NĂM 2025

STT	Tên Tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số nghị quyết/ quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
01	Công ty CP Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết	1300990134 12/08/2015 Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	Số 126, Ấp Long Thạnh, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long	Năm 2025	02/NQ-HĐQT ngày 02/01/2025	Thuê dịch vụ vận chuyển: 50.145.503.500 đồng Thuê bãi: 2.007.450.000 đồng
02	Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	Công ty con	1301091115 28/04/2020 Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	Lô AIV-8, AIV-9, KCN Giao Long, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long	Năm 2025	01/NQ-HĐQT ngày 02/01/2025	Bán giấy cuộn: 81.266.928.350 đồng Mua giấy vụn + ống lõi, giấy tấm: 18.630.990.100 đồng
03	Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Thành Công	Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công	1301033794 13/07/2017 Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	Lô DN, KCN Giao Long, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long	Năm 2025	03/NQ-HĐQT ngày 02/01/2025	Mua hơi : 238.988.759.000 đồng Mua điện: 132.889.873.204 đồng
04	Công ty TNHH Giấy Giao Long	Công ty con	1301117885 18/7/2022 Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	Lô CN08, CN09, CN10,CN12,CN13 CCN Long Phước, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long	Năm 2025	13/NQ-HĐQT ngày 09/04/2025 21/NQ-HĐQT ngày 27/06/2025	Nhận chuyển nhượng cổ phần: 2.296.800.000 đồng Góp vốn: 90.000.000.000 đồng

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY NIÊM YẾT, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NIÊM YẾT NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịc	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
01	Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Thành Công	Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công	Thành viên HĐQT	Công ty TNHH MTV Bao Bì Bến Tre	Năm 2025	Mua hơi: 3.689.161.000 đồng Mua điện: 1.144.067 đồng

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

Giao dịch với Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lượng Thành Công - Tổ chức có liên quan của người nội bộ Dương Thành Công (Như mục VII.2)

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành:

Không có

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành:

Không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Tuân thủ quy định: Công ty thực hiện công tác quản trị theo đúng quy định pháp luật, điều lệ và quy chế của công ty.
- Hành động vì quyền lợi cổ đông: Các thành viên Hội đồng quản trị hành động vì quyền lợi của công ty và cổ đông, thực hiện công bố thông tin đầy đủ và kịp thời.
- Giám sát và điều hành: Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban điều hành, đảm bảo tuân thủ các quy định và chỉ tiêu kế hoạch.
- Cải tiến quản trị: Công ty không ngừng cải tiến các hoạt động quản trị, bao gồm đánh giá hoạt động của các thành viên và tìm kiếm giải pháp công nghệ để nâng cao hiệu quả.

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- ◊ Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- ◊ BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Lưu ý: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty được đăng tải tại Website của Công ty tại đường Link: https://dohacobentre.com.vn/
(Mục "QUAN HỆ CỔ ĐÔNG")

Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12120343/68630371-FN/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1

Lý Hồng Mỹ
Kiểm Toán Viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4175-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.552.207.693.716**	**2.186.220.726.161**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***407.948.218.207***	***570.814.931.920***
111	1. Tiền		152.948.218.207	207.064.931.920
112	2. Các khoản tương đương tiền		255.000.000.000	363.750.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***763.335.370.059***	***334.182.014.034***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	763.335.370.059	334.182.014.034
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***871.263.680.083***	***745.215.196.499***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	686.230.486.554	671.199.741.767
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	118.266.427.042	44.405.606.151
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	61.000.000.000	30.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	18.315.703.886	9.762.421.776
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(12.548.937.399)	(10.152.573.195)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***491.752.011.695***	***524.454.388.269***
141	1. Hàng tồn kho	10	491.752.011.695	524.454.388.269
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***17.908.413.672***	***11.554.195.439***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	13.619.963.984	11.538.135.227
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.288.449.688	16.060.212
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.026.890.700.829**	**1.058.436.914.942**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***425.480.000***	***2.568.680.000***
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	425.480.000	2.568.680.000
220	***II. Tài sản cố định***		***941.842.108.672***	***994.380.127.838***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	940.807.345.255	993.394.405.723
222	Nguyên giá		1.808.282.087.371	1.751.562.621.587
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(867.474.742.116)	(758.168.215.864)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	1.034.763.417	985.722.115
228	Nguyên giá		2.214.334.250	1.994.334.250
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.179.570.833)	(1.008.612.135)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***51.757.500.249***	***16.734.250.000***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	51.757.500.249	16.734.250.000
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***8.141.989.782***	***5.525.747.382***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15	8.141.989.782	5.525.747.382
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***24.723.622.126***	***39.228.109.722***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	24.424.173.714	38.999.929.713
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	299.448.412	228.180.009
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.579.098.394.545**	**3.244.657.641.103**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.367.856.007.665**	**1.241.578.204.990**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***1.367.856.007.665***	***1.236.078.204.990***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	380.702.810.027	407.508.643.348
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	4.363.845.869	15.829.091.096
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	30.480.834.516	10.863.755.657
314	4. Phải trả người lao động		22.412.780.488	23.123.450.343
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	7.761.881.052	9.713.222.819
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		109.090.909	109.090.909
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	3.425.983.417	3.204.978.686
320	8. Vay ngắn hạn	22	917.580.568.886	762.873.933.477
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	1.018.212.501	2.852.038.655
330	***II. Nợ dài hạn***		***-***	***5.500.000.000***
338	1. Vay dài hạn	22	-	5.500.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.211.242.386.880**	**2.003.079.436.113**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***23***	***2.211.242.386.880***	***2.003.079.436.113***
411	1. Vốn cổ phần		965.912.060.000	804.930.480.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*965.912.060.000*	*804.930.480.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		235.247.935.803	235.247.935.803
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		128.473.692.650	117.344.180.651
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		881.608.698.427	843.427.493.301
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*488.687.816.503*	*601.677.787.447*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*392.920.881.924*	*241.749.705.854*
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	2.129.346.358
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**3.579.098.394.545**	**3.244.657.641.103**

Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Phạm Thị Minh Phụng	Nguyễn Hồng Thanh	Lê Bá Phương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng**	24.1	3.633.053.711.641	3.597.426.318.483
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	24.1	(2.014.292.945)	(919.173.754)
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng**	24.1	3.631.039.418.696	3.596.507.144.729
11	**4. Giá vốn hàng bán**	25	(3.043.637.017.374)	(3.170.476.832.202)
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng**		587.402.401.322	426.030.312.527
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	24.2	64.297.215.734	34.469.814.218
22	**7. Chi phí tài chính**	26	(38.640.008.373)	(38.593.394.632)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(33.529.232.355)*	*(22.885.715.787)*
24	**8. Phần lãi trong công ty liên kết**	15	536.242.400	1.636.745.215
25	**9. Chi phí bán hàng**	27	(123.029.454.669)	(112.803.009.661)
26	**10. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	27	(40.501.206.156)	(39.651.125.697)
30	**11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**		450.065.190.258	271.089.341.970
31	**12. Thu nhập khác**	28	7.280.558.780	8.274.184.800
32	**13. Chi phí khác**		(15.566.449)	(140.725.777)
40	**14. Lợi nhuận khác**		7.264.992.331	8.133.459.023
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		457.330.182.589	279.222.800.993
51	**16. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	30.1	(64.313.115.425)	(37.951.251.211)
52	**17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	30.3	71.268.403	925.102.430
60	**18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN**		393.088.335.567	242.196.652.212
61	**19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ**		393.066.391.715	242.066.983.472
62	**20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		21.943.852	129.668.740
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	23.4	3.988	2.460
71	**22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	23.4	3.988	2.460

Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Phạm Thị Minh Phụng	Nguyễn Hồng Thanh	Lê Bá Phương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**457.330.182.589**	**279.222.800.993**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	111.113.831.311	105.032.042.879
03	Dự phòng	6	2.396.364.204	1.261.084.739
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(135.461.568)	1.546.836.746
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(56.949.265.327)	(20.103.276.128)
06	Chi phí lãi vay	26	33.529.232.355	22.885.715.787
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**547.284.883.564**	**389.845.205.016**
09	Giảm các khoản phải thu		2.221.443.575	204.548.456.023
10	Giảm hàng tồn kho		32.702.376.574	24.376.234.328
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(38.416.523.526)	107.109.956.161
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		12.493.927.242	(3.372.379.811)
14	Tiền lãi vay đã trả		(33.629.352.071)	(23.102.846.855)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(51.185.389.112)	(33.440.678.188)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.663.583.954)	(9.809.781.387)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**464.807.782.292**	**656.154.165.287**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(182.639.544.694)	(70.637.675.722)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		388.518.518	347.954.545
23	Chi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay và mua trái phiếu		(1.049.153.356.025)	(387.012.249.444)
24	Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay và trái phiếu đáo hạn		589.000.000.000	124.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác		(2.296.800.000)	(6.973.600.000)
27	Thu lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu		44.907.934.901	18.565.242.894
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(599.793.247.300)**	**(321.710.327.727)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát		-	3.032.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	22	2.046.313.664.764	1.706.317.193.531
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(1.897.107.029.355)	(1.639.715.084.332)
36	Cổ tức đã trả	23.2	(177.084.254.000)	(80.493.048.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(27.877.618.591)**	**(10.858.938.801)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(162.863.083.599)**	**323.584.898.759**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**570.814.931.920**	**247.229.229.877**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.630.114)	803.284
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**407.948.218.207**	**570.814.931.920**

Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Phạm Thị Minh Phụng	Nguyễn Hồng Thanh	Lê Bá Phương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 1300358260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 2 tháng 4 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh. GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 23 do Sở Tài chính ("STC") Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 27 tháng 11 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là DHC theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 18 tháng 6 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất, tái chế và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô AIII, Khu Công nghiệp Giao Long, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 754 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 714).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 2 công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và 1 công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty		*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*	
				Số cuối năm	*Số đầu năm*
				(%)	*(%)*
Công ty con					
(1)	Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Bến Tre	Sản xuất và kinh doanh bao bì carton	Đang hoạt động	100	100
(2)	Công ty TNHH Giấy Giao Long (trước đây là Công ty Cổ phần Giấy Giao Long) ("GGL") *(*)*	Sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy và bìa	Đang hoạt động	100	99,42
Công ty liên kết					
(1)	Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển	Đang hoạt động	26	26

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 208.800 cổ phần, tương đương 0,58% tỷ lệ sở hữu, tại GGL với số tiền là 2.296.800.000 VND, tương đương 11.000 đồng/cổ phần, từ các cổ đông cá nhân theo Nghị quyết HĐQT số 13/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 4 năm 2025, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại GGL từ 99,42% lên 100%. Theo đó, HĐQT của Công ty cũng thống nhất việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của GGL từ công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Nghị quyết HĐQT số 14/NQ-HĐQT cùng ngày.

Cũng trong năm này, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào GGL với số tiền là 90.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 21/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2025, nâng vốn điều lệ của GGL từ 360.000.000.000 VND lên 450.000.000.000 VND. GGL cũng đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 6 do STC Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 17 tháng 7 năm 2025 liên quan việc tăng vốn điều lệ này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Đối với các trường hợp cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động, thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ;
- Chi phí sửa chữa, bảo trì; và
- Phí bảo hiểm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre vào ngày 3 tháng 5 năm 2018 trong thời hạn 39 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.16 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

- *Quỹ đầu tư phát triển*

  Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

  Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- *Cổ tức*

  Cổ tức công bố bằng tiền được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt về chủ trương và được HĐQT Công ty tiến hành thực hiện.

  Cổ tức công bố bằng cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất khi Công ty hoàn thành đầy đủ các thủ tục pháp lý theo quy định hiện hành.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ, giá trị được trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt tại quỹ	132.642.000	151.954.100
Tiền gửi ngân hàng	152.815.576.207	206.912.977.820
Các khoản tương đương tiền *(*)*	255.000.000.000	363.750.000.000
TỔNG CỘNG	**407.948.218.207**	**570.814.931.920**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 4,75% .

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trái phiếu *(*)*	150.528.356.025	85.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn *(**)*	612.807.014.034	249.182.014.034
TỔNG CỘNG	**763.335.370.059**	**334.182.014.034**

(*) Trái phiếu bao gồm 1.100 trái phiếu mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt phát hành, 285 trái phiếu mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu do Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần phát hành và 100 trái phiếu có mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Sovico phát hành có kỳ hạn gốc một năm và hưởng lãi suất dao động từ 8% đến 9%/năm.

(**) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại đến ngày đáo hạn không quá một năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất dao động từ 2,8% đến 8,2%/năm.

Nhóm Công ty đã thế chấp các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 11.000.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty *(Thuyết minh số 22)*.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Box - Pak (Việt Nam)	49.644.372.798	54.261.803.016
Chi nhánh Công ty TNHH Ojitex (Việt Nam)	35.691.691.122	27.481.814.460
Công ty TNHH Ojitex (Việt Nam) - Chi nhánh Long Thành	22.272.500.772	14.386.777.092
Khác	578.621.921.862	575.069.347.199
TỔNG CỘNG	**686.230.486.554**	**671.199.741.767**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(12.548.937.399)	(10.152.573.195)
GIÁ TRỊ THUẦN *(*)*	**673.681.549.155**	**661.047.168.572**
Dài hạn		
Công ty TNHH MTV Vận tải Trúc Lan Vy	310.780.000	1.058.380.000
Công ty TNHH T&V Coconut	114.700.000	1.510.300.000
TỔNG CỘNG	**425.480.000**	**2.568.680.000**

(*) Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với số tiền là 200.000.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty *(Thuyết minh số 22)*.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình thay đổi dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số đầu năm	10.152.573.195	8.891.488.456
Dự phòng trích lập trong năm	2.396.364.204	2.374.006.862
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.112.922.123)
Số cuối năm	12.548.937.399	10.152.573.195

Chi tiết các khoản nợ quá hạn như sau:

VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi ước tính*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi ước tính*
Công ty TNHH Bao bì Giấy Đại Nhật Long	3.001.099.720	(3.001.099.720)	-	3.001.099.720	(3.001.099.720)	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mai Dịch vụ Thuận An	1.528.751.070	(1.528.751.070)	-	1.528.751.070	(1.528.751.070)	-
Khác	11.071.802.039	(8.019.086.609)	3.052.715.430	6.855.580.811	(5.622.722.405)	1.232.858.406
TỔNG CỘNG	**15.601.652.829**	**(12.548.937.399)**	**3.052.715.430**	**11.385.431.601**	**(10.152.573.195)**	**1.232.858.406**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Bên khác	118.266.427.042	11.368.483.117
- *Bellmer Gapcon GMBH*	*31.173.240.000*	-
- *Kadant Fiberline (China) Co., Ltd.*	*21.940.984.210*	-
- *Jiangsu Huadong Paper Machinery Dongtai Co., Ltd.*	*16.345.172.004*	-
- *Công ty Cổ phần Giấy Đồng Tiến - Long An*	*12.021.500.892*	-
- *Khác*	*36.785.529.936*	11.368.483.117
Bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	-	33.037.123.034
TỔNG CỘNG	**118.266.427.042**	**44.405.606.151**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt *(*)*	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại N.I.D. *(**)*	21.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Việt Xanh QN	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	**61.000.000.000**	**30.000.000.000**

(*) Đây là khoản cho vay tín chấp với kỳ hạn một năm và hưởng lãi suất 8%/năm.

(**) Đây là khoản cho nhà cung cấp vay để đầu tư cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị với kỳ hạn một năm, hưởng lãi suất dao động từ 6,8% đến 9%/năm và có tài sản đảm bảo là nhà xưởng, máy móc thiết bị thuộc sở hữu của nhà cung cấp này.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lãi tiền gửi, trái phiếu và lãi cho vay	16.654.750.342	4.921.306.476
Tạm ứng nhân viên	1.581.557.415	2.007.915.300
Ứng trước tiền góp vốn vào công ty liên kết *(Thuyết minh số 15)*	-	2.600.000.000
Khác	79.396.129	233.200.000
TỔNG CỘNG	**18.315.703.886**	**9.762.421.776**
Trong đó		
Bên khác	*18.315.703.886*	*7.162.421.776*
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	-	*2.600.000.000*

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Hàng đang đi trên đường	212.971.484.426	195.437.969.814
Nguyên vật liệu	136.163.456.848	145.396.618.873
Công cụ, dụng cụ	94.593.982.622	107.242.680.719
Thành phẩm	47.544.417.813	75.982.679.908
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	478.669.986	394.438.955
TỔNG CỘNG	**491.752.011.695**	**524.454.388.269**

(*) Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho với số tiền là 200.000.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty *(Thuyết minh số 22).*

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**13.619.963.984**	**11.538.135.227**
Công cụ, dụng cụ	9.313.647.753	7.436.898.660
Phí bảo hiểm	2.893.875.205	1.717.703.186
Chi phí sửa chữa, bảo trì	1.199.223.424	947.742.614
Khác	213.217.602	1.435.790.767
Dài hạn	**24.424.173.714**	**38.999.929.713**
Công cụ, dụng cụ	15.716.095.414	27.025.022.840
Chi phí sửa chữa, bảo trì	5.562.993.407	8.864.546.775
Tiền thuê đất *(*)*	2.838.348.276	2.927.511.048
Phí bảo hiểm	220.995.300	-
Khác	85.741.317	182.849.050
TỔNG CỘNG	**38.044.137.698**	**50.538.064.940**

(*) Quyền sử dụng đất có liên quan đã được Nhóm Công ty thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(Thuyết minh số 22).*

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Máy móc, thiết bị	*Nhà cửa, vật kiến trúc*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.189.715.402.641	473.697.613.566	75.460.404.950	12.272.700.930	416.499.500	1.751.562.621.587
Mua mới	20.270.954.000	329.466.000	6.086.319.090	2.310.305.311	-	28.997.044.401
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.905.847.928	2.549.794.174	-	-	-	29.455.642.102
Thanh lý	(250.000.000)	(202.131.302)	(1.281.089.417)	-	-	(1.733.220.719)
Số cuối năm	1.236.642.204.569	476.374.742.438	80.265.634.623	14.583.006.241	416.499.500	1.808.282.087.371
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*195.883.004.996*	*25.233.832.471*	*23.462.850.119*	*4.618.955.818*	*193.710.000*	*249.392.353.404*
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	(529.867.070.266)	(172.693.353.932)	(46.300.948.300)	(9.010.792.986)	(296.050.380)	(758.168.215.864)
Khấu hao trong năm	(73.633.257.303)	(27.152.464.084)	(8.264.269.854)	(1.855.749.922)	(37.131.450)	(110.942.872.613)
Thanh lý	181.591.536	173.665.408	1.281.089.417	-	-	1.636.346.361
Số cuối năm	(603.318.736.033)	(199.672.152.608)	(53.284.128.737)	(10.866.542.908)	(333.181.830)	(867.474.742.116)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	659.848.332.375	301.004.259.634	29.159.456.650	3.261.907.944	120.449.120	993.394.405.723
Số cuối năm	633.323.468.536	276.702.589.830	26.981.505.886	3.716.463.333	83.317.670	940.807.345.255
Trong đó:						
Đã thế chấp (Thuyết minh số 22)	*492.634.093.612*	*262.153.984.817*	*136.590.050*	*1.027.003.239*	-	*755.951.671.718*

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Phần mềm vi tính	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số đầu năm	232.602.450	1.761.731.800	1.994.334.250
Mua mới	-	220.000.000	220.000.000
Số cuối năm	232.602.450	1.981.731.800	2.214.334.250
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	*82.602.450*	*676.731.800*	*759.334.250*
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(160.356.082)	(848.256.053)	(1.008.612.135)
Hao mòn trong năm	(30.000.080)	(140.958.618)	(170.958.698)
Số cuối năm	(190.356.162)	(989.214.671)	(1.179.570.833)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	72.246.368	913.475.747	985.722.115
Số cuối năm	42.246.288	992.517.129	1.034.763.417

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí xây dựng nhà máy mới và mua sắm máy móc	51.012.300.249	-
Chi phí cải tạo nhà máy	745.200.000	16.734.250.000
TỔNG CỘNG	**51.757.500.249**	**16.734.250.000**

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	*Giá trị còn lại*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết*	*Giá trị còn lại*
	(%)	*VND*	*(%)*	*VND*
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long ("TCGL")	26	8.141.989.782	26	5.525.747.382

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	VND
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm	2.600.000.000
Tăng trong năm *(*)*	2.600.000.000
Số cuối năm	5.200.000.000
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết	
Số đầu năm	2.925.747.382
Cổ tức được chia	(520.000.000)
Phần lãi từ công ty liên kết	536.242.400
Số cuối năm	2.941.989.782
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	5.525.747.382
Số cuối năm	8.141.989.782

(*) Nhóm Công ty đã góp thêm vốn vào TCGL với số tiền là 2.600.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, nâng vốn điều lệ của TCGL từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND. TCGL đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 2 do STC Tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 30 tháng 12 năm 2025 liên quan việc tăng vốn điều lệ này và cập nhật Sổ Cổ đông tương ứng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Bên khác	335.611.448.579	393.515.202.348
- *Vipa Lausanne SA*	*79.569.362.001*	*124.040.592.874*
- *International Forest Products (UK)*	*30.431.148.065*	*4.096.623.769*
- *Anthon B.Nilsen*	*25.401.926.453*	*25.143.305.689*
- *Khác*	*199.850.344.060*	*240.234.680.016*
Bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	45.450.029.448	13.993.441.000
TỔNG CỘNG	**380.702.810.027**	**407.508.643.348**

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	1.715.804.241	426.529.529
Công ty TNHH Nông sản Mỹ Đình	654.734.081	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Tân Nam Chinh	515.957.580	-
Công ty TNHH Bao bì Giấy Toàn cầu	466.256.844	-
Khác	1.011.093.123	15.402.561.567
TỔNG CỘNG	**4.363.845.869**	**15.829.091.096**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	16.060.212	238.389.410.662	(234.117.021.186)	4.288.449.688
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.940.411.797	64.313.115.425	(51.185.389.112)	22.068.138.110
Thuế GTGT	1.598.952.558	290.772.603.944	(284.279.702.976)	8.091.853.526
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	91.499.171.914	(91.499.171.914)	-
Thuế thu nhập cá nhân	324.391.302	12.308.782.420	(12.316.398.301)	316.775.421
Thuế nhập khẩu	-	282.940.258	(282.940.258)	-
Khác	-	539.686.701	(535.619.242)	4.067.459
TỔNG CỘNG	**10.863.755.657**	**459.716.300.662**	**(440.099.221.803)**	**30.480.834.516**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí tiện ích	6.820.779.329	8.167.038.517
Chi phí lãi vay	941.101.723	1.041.221.439
Khác	-	504.962.863
TỔNG CỘNG	**7.761.881.052**	**9.713.222.819**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Hoa hồng môi giới	1.360.195.171	1.317.584.232
Thưởng của HĐQT, BKS và Ban Kiểm toán Nội bộ	421.217.287	409.217.287
Khác	1.644.570.959	1.478.177.167
TỔNG CỘNG	**3.425.983.417**	**3.204.978.686**

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	2.852.038.655	3.376.552.267
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.773.731.800	6.186.767.775
Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	(6.607.557.954)	(6.711.281.387)
Số cuối năm	**1.018.212.501**	**2.852.038.655**

22. VAY

VND

	Số đầu năm	*Tăng*	*Giảm*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**762.873.933.477**	**2.046.313.664.764**	**(1.891.607.029.355)**	**917.580.568.886**
Vay ngân hàng *(*)*	760.873.933.477	2.046.313.664.764	(1.889.607.029.355)	917.580.568.886
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-
Dài hạn	**5.500.000.000**	**-**	**(5.500.000.000)**	**-**
Vay ngân hàng	5.500.000.000	-	(5.500.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**768.373.933.477**	**2.046.313.664.764**	**(1.897.107.029.355)**	**917.580.568.886**

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*	*Thuyết minh số 5, 6, 10, 11 và 12*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	547.155.022.541	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2026 đến ngày 20 tháng 5 năm 2026	3,9 - 6,5	Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 1.000.000.000 VND, hàng tồn kho giá trị 100.000.000.000 VND, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang	273.026.224.774	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2026 đến ngày 22 tháng 6 năm 2026	4,0 - 6,5	Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy Giao Long 2, máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy Giao Long 1 và tiền gửi có kỳ hạn giá trị 10.000.000.000 VND, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án Nhà máy Bao bì Số 1
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	97.399.321.571	Từ ngày 29 tháng 5 năm 2026 đến ngày 12 tháng 6 năm 2026	5,4 - 5,7	Hàng tồn kho giá trị 100.000.000.000 VND, các khoản phải thu giá trị 200.000.000.000 VND, máy móc, thiết bị.
TỔNG CỘNG	**917.580.568.886**			

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Lợi ích cổ đông không kiểm soát*	*Tổng cộng*
Năm trước						
Số đầu năm	804.930.480.000	235.247.935.803	101.877.261.214	706.824.522.659	3.024.000.000	1.851.904.199.676
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	242.066.983.472	129.668.740	242.196.652.212
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(80.493.048.000)	-	(80.493.048.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.466.919.437	(15.466.919.437)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.186.767.775)	-	(6.186.767.775)
Góp vốn	-	-	-	-	3.032.000.000	3.032.000.000
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(317.277.618)	(4.056.322.382)	(4.373.600.000)
Thưởng HĐQT, BKS và Ban Điều hành	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Số cuối năm	804.930.480.000	235.247.935.803	117.344.180.651	843.427.493.301	2.129.346.358	2.003.079.436.113
Năm nay						
Số đầu năm	804.930.480.000	235.247.935.803	117.344.180.651	843.427.493.301	2.129.346.358	2.003.079.436.113
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	393.066.391.715	21.943.852	393.088.335.567
Chia cổ tức bằng tiền *(*) (Thuyết minh số 23.2)*	-	-	-	(177.084.254.000)	-	(177.084.254.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu *(*) (Thuyết minh số 23.2)*	160.981.580.000	-	-	(160.981.580.000)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển *(*)*	-	-	11.129.511.999	(11.129.511.999)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(*)*	-	-	-	(4.773.731.800)	-	(4.773.731.800)
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	(145.509.790)	(2.151.290.210)	(2.296.800.000)
Thưởng HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	-	-	-	(770.599.000)	-	(770.599.000)
Số cuối năm	965.912.060.000	235.247.935.803	128.473.692.650	881.608.698.427	-	2.211.242.386.880

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết HĐQT số 40/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 10 năm 2025.

23.2 *Các giao dịch về vốn với các cổ đông và chia cổ tức*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	804.930.480.000	804.930.480.000
Tăng trong năm	160.981.580.000	-
Số cuối năm	965.912.060.000	804.930.480.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	338.065.834.000	160.986.096.000
Cổ tức đã trả	(338.065.834.000)	(80.493.048.000)
Trong đó:		-
- Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2024: 1.000 VND/cổ phiếu (2023: 1.000 VND/cổ phiếu) (*)	*(80.493.048.000)*	*(80.493.048.000)*
- Cổ tức trả bằng cổ phiếu cho năm 2024: 1 cổ phiếu/5 cổ phiếu hiện hữu (**)	*(160.981.580.000)*	-
- Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2025: 1.000 VND/cổ phiếu (2024: 1.000 VND/cổ phiếu) (***)	*(96.591.206.000)*	-

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chia cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền với số tiền là 80.493.048.000 VND cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết HĐQT số 08/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 2 năm 2025, phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 4 năm 2025.

(**) Vào ngày 27 tháng 5 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 16.098.158 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để chi trả cổ tức của năm 2024 cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết HĐQT số 15/NQ-HĐQT cùng ngày. Vào ngày 12 tháng 6 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 21 do STC Tỉnh Bến Tre cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 804.930.480.000 VND lên 965.912.060.000 VND.

(***) Trong năm, Công ty cũng đã hoàn tất việc chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2025 bằng tiền với số tiền là 96.591.206.000 VND cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết HĐQT số 40/NQ-HĐQT ngày 2 tháng 10 năm 2025.

23.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu được phép phát hành	96.591.206	80.493.048
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	*96.591.206*	*80.493.048*
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	*96.591.206*	*80.493.048*

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.4 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước (trình bày lại)*	*Năm trước (trình bày trước đây)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	393.066.391.715	242.066.983.472	242.066.983.472
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi *(i)*	(7.861.327.834)	(4.451.804.800)	(4.841.339.669)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND)*	**385.205.063.881**	**237.615.178.672**	**237.225.643.803**
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm *(cổ phiếu) (ii)*	96.591.206	96.591.206	80.493.048
Lãi trên cổ phiếu			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	*3.988*	*2.460*	*2.947*
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	*3.988*	*2.460*	*2.947*

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-HĐQCĐ ngày 9 tháng 4 năm 2025.

(ii) Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để phản ánh việc chia cổ tức bằng cổ phiếu vào ngày 27 tháng 5 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

24. DOANH THU

24.1 *Doanh thu bán hàng*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu	**3.633.053.711.641**	**3.597.426.318.483**
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	*3.630.538.440.346*	*3.424.816.885.517*
Doanh thu bán nguyên vật liệu	*2.348.538.150*	*172.463.978.421*
Doanh thu khác	*166.733.145*	*145.454.545*
Các khoản giảm trừ	**(2.014.292.945)**	**(919.173.754)**
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	*(1.668.509.924)*	*(802.202.514)*
Hàng bán bị trả lại	*(289.510.850)*	*(100.938.860)*
Giảm giá hàng bán	***(56.272.171)***	***(16.032.380)***
Doanh thu thuần	**3.631.039.418.696**	**3.596.507.144.729**
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	*3.628.524.147.401*	*3.423.897.711.763*
Doanh thu bán nguyên vật liệu	*2.348.538.150*	*172.463.978.421*
Doanh thu khác	*166.733.145*	*145.454.545*
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*3.631.039.418.696*	*3.577.538.277.229*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*-*	*18.968.867.500*

24.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, trái phiếu và cho vay	56.121.378.767	18.197.243.768
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.310.605.127	11.516.091.108
Lãi trên khoản tạm ứng cho người bán	2.335.834.481	4.297.464.940
Khác	529.397.359	459.014.402
TỔNG CỘNG	**64.297.215.734**	**34.469.814.218**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn thành phẩm đã bán	3.041.356.757.001	3.006.782.396.112
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	2.280.260.373	163.694.436.090
TỔNG CỘNG	**3.043.637.017.374**	**3.170.476.832.202**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	33.529.232.355	22.885.715.787
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.110.776.018	15.707.678.845
TỔNG CỘNG	**38.640.008.373**	**38.593.394.632**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**123.029.454.669**	**112.803.009.661**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.803.263.092	83.492.609.287
Chi phí nhân viên	22.641.218.099	20.545.944.784
Chi phí vật liệu, dụng cụ	4.958.483.732	4.596.363.875
Khấu hao và hao mòn	958.908.435	737.898.741
Khác	2.667.581.311	3.430.192.974
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**40.501.206.156**	**39.651.125.697**
Chi phí nhân viên	16.911.751.186	15.622.900.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài *(*)*	12.895.559.591	13.080.641.613
Khấu hao và hao mòn	2.837.083.143	2.944.026.655
Dự phòng phải thu khó đòi	2.396.364.204	1.261.084.739
Khác	5.460.448.032	6.742.472.393
TỔNG CỘNG	**163.530.660.825**	**152.454.135.358**

(*) Trong đây bao gồm chi phí dịch vụ chuyên nghiệp phát sinh trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Phí kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Nhóm Công ty	420.000.000	260.000.000
Các loại phí dịch vụ bảo đảm khác của Công ty và các công con	165.000.000	305.000.000
TỔNG CỘNG	**585.000.000**	**565.000.000**

28. THU NHẬP KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Nhận bồi thường hợp đồng	6.678.403.627	7.510.569.909
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	291.644.160	269.287.145
Khác	310.510.993	494.327.746
TỔNG CỘNG	**7.280.558.780**	**8.274.184.800**

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên vật liệu	2.178.269.546.482	2.295.155.259.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	668.758.581.473	665.852.141.285
Khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 12 và 13)*	111.113.831.311	105.032.042.879
Chi phí nhân viên	193.894.683.779	181.202.331.119
Khác	67.670.135.045	74.513.440.486
TỔNG CỘNG	**3.219.706.778.090**	**3.321.755.214.852**

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Dự án đầu tư mở rộng của Công ty: Công ty được miễn thuế TNDN cho dự án nhà máy giấy Giao Long Giai đoạn 2 trong hai năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2020 - 2021) và được giảm 50% trong bốn năm tiếp theo (2022 - 2025).

Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Bến Tre: công ty này được hưởng ưu đãi thuế với thuế suất thuế TNDN là 17% trong thời gian 10 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư (2022 - 2031), miễn thuế TNDN trong hai năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2023 - 2024) và được giảm 50% trong bốn năm tiếp theo (2025 - 2028).

Công ty TNHH Giấy Giao Long (trước đây là "Công ty Cổ phần Giấy Giao Long"): công ty này được hưởng ưu đãi thuế với thuế suất thuế TNDN là 17% trong thời gian 10 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư, miễn thuế TNDN trong hai năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong bốn năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.246.092.214	37.799.783.891
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	67.023.211	151.467.320
Chi phí thuế TNDN hiện hành	64.313.115.425	37.951.251.211
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(71,268,403)	(925.102.430)
TỔNG CỘNG	**64,241,847,022**	**37.026.148.781**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**457.330.182.589**	**279.222.800.993**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	91.466.036.518	55.844.560.199
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được trừ	775.635.233	792.707.821
Lãi từ công ty liên kết	(107.248.480)	(327.349.043)
Lỗ thuế được chuyển từ các kỳ trước	-	(884.940.858)
Thuế TNDN được giảm	(27.959.599.460)	(18.550.296.658)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	67.023.211	151.467.320
Chi phí thuế TNDN	**64.241.847.022**	**37.026.148.781**

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	299.448.412	228.180.009	71.268.403	(46.652.131)
Dự phòng	-	-	-	971.754.561
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	***299.448.412***	***228.180.009***		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			***71.268.403***	***925.102.430***

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có phát sinh nghiệp vụ với Nhóm Công ty trong năm như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Đầu tư Thép An Bình	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	Bên liên quan của thành viên HĐQT

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Giao dịch*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	Mua hơi	242.677.920.000	253.315.551.300
	Mua điện	132.889.873.204	130.731.607.788
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Mua dịch vụ	50.145.503.500	48.228.756.386
	Phí thuê kho bãi	2.007.450.000	5.730.000.000
	Góp vốn	-	2.600.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Đầu tư Thép An Bình	Thanh toán chậm	172.294.469	-
	Mua hàng hóa	-	27.920.454.881
	Bán hàng hóa	-	18.968.867.500

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Giao dịch*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Góp vốn	-	2.600.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	Mua hơi và điện	36.219.809.988	276.053.400
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	Mua dịch vụ và thuê bãi	9.230.219.460	13.717.387.600
		45.450.029.448	**13.993.441.000**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng lượng Thành Công	Mua hơi	-	33.037.123.034

Thu nhập của các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc như sau:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập (*)*	
		Năm nay	*Năm trước*
Ông Lê Bá Phương	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	1.761.581.823	1.941.180.800
Ông Lương Văn Thành	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	1.258.956.941	1.435.372.265
Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc	1.250.592.891	1.118.844.347
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên không điều hành	654.812.077	723.829.038
Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên BKS	191.379.348	221.496.892
Ông Marco Martinelli	Thành viên độc lập - không điều hành	120.000.000	292.000.000
Ông Dương Thành Công	Thành viên không điều hành	120.000.000	292.000.000
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	60.000.000	108.000.000
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên BKS	48.000.000	74.000.000
TỔNG CỘNG		**5.465.323.080**	**6.206.723.342**

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

32. CAM KẾT LIÊN QUAN CHI PHÍ ĐẦU TƯ LỚN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty có khoản cam kết 830.424.293.993 VND chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất và kho bãi theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 1 năm	3.972.353.426	3.888.857.779
Từ 1 năm đến 5 năm	5.477.413.703	3.675.431.116
Trên 5 năm	24.260.353.204	22.862.660.407
TỔNG CỘNG	**33.710.120.332**	**30.426.949.302**

33. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Nguyên tệ	*Tương đương VND*	*Nguyên tệ*	*Tương đương VND*
Euro (EUR)	27,52	835.196	48,56	1.268.065
Đô la Mỹ (USD)	63.868,60	1.665.501.643	218.174,52	5.509.124.805
		1.666.336.839		5.510.392.870

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 9 tháng 2 năm 2026, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào GGL với số tiền là 100.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 06/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 2 năm 2026, nâng vốn điều lệ của GGL từ 450.000.000.000 VND lên 550.000.000.000 VND.

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Phạm Thị Minh Phụng	Nguyễn Hồng Thanh	Lê Bá Phương
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 1300358260 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE
X. GIAO LONG - T. VĨNH LONG

LÊ BÁ PHƯƠNG